

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

Bậc 1A- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1B- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders			<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Amphetamines			VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine					
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA	<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents					
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA	Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B		<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)					
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA	SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.					
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA	<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B		<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)	Amebicides		
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B		SOLOSEC	3	PA
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
<i>RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG</i>	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
<i>RELEXXII TBCR 27 MG</i>	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC			XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
Allergenic Extracts			XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
GRASTEK SUBL	3	PA	XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
AMEBICIDES			Antirheumatic Antimetabolites		
			METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
			Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL SOLR	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA	
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST	Analgesic Combinations			
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		
<i>nabumetone</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA	<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen TABS</i>	1B		<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Salicylates			
<i>oxaprozin TABS</i>	1B		<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B		<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>sulindac TABS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B		<i>diflunisal TABS</i>	1B		
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>salsalate</i>	1B		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA	ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA	Opioid Agonists			
Pyrimidine Synthesis Inhibitors						
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)				
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents						
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
codeine sulfate TABS 30 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	methadone hcl TABS 5 MG	0	QL(4 ea daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	methadone hcl TBSO	0	QL(2 ea daily)
fentanyl citrate LPOP	1B	QL(4 ea daily); PA	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	1B	QL(2 ea daily); PA
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	1B	QL(0.34 ea daily)	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
hydromorphone hcl LIQD	1B	New starts limited to 7 day supply	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	1B		morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	1B	
hydromorphone hcl TABS	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	morphine sulfate TABS	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	1B	QL(2 ea daily); PA	morphine sulfate TBCR	1B	QL(2 ea daily)
hydromorphone hcl TB24 32 MG	1B	QL(1 ea daily); PA	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
levorphanol tartrate TABS 2 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	3	QL(2 ea daily); PA
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	1B		oxycodone hcl TABS	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
meperidine hcl TABS 50 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	oxymorphone hcl TABS	1B	QL(12 ea daily); PA
methadone hcl CONC	0	QL(10 ml daily)	oxymorphone hcl TB12 40 MG	1B	QL(4 ea daily); PA
methadone hcl SOLN OR	0		oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1B	QL(2 ea daily); PA
METHADONE HCL SOLN IJ	0		SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
methadone hcl TABS 10 MG	0	QL(10 ea daily)	SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
tramadol hcl TABS 50 MG	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
tramadol hcl TB24	1B	QL(1 ea daily)	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
Opioid Combinations					
acetaminophen w/ codeine SOLN	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	1B	PA
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	tramadol-acetaminophen	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	3	New starts limited to 7 day supply; PA	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG	1B	QL(3 ea daily)
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG	1B	QL(2 ea daily)
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	0	QL(3 ea daily)
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	buprenorphine hcl SOLN	1B	
			buprenorphine hcl SUBL	0	QL(3 ea daily)
			buprenorphine PTWK	1B	QL(0.143 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B		Vasodilating Agents		
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA	RECTIV 0.4 % (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)	ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	Anthelmintics		
SUBLOCADE SOSY	3		<i>albendazole</i>	1B	PA
ZUBSOLV SUBL	3		EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones			<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
Anabolic Steroids			<i>praziquantel</i>	1B	PA
<i>oxandrolone</i>	1B		ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Androgens			Antianginals-Other		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA	<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>danazol CAPS</i>	1B		<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
METHITEST TABS	3		Nitrates		
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B		<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B		<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B		<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching			<i>NITRO-BID OINT</i>	3	
Intrarectal Steroids			<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA	<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B		<i>NITROGLYCERIN SOLN IV</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA	<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
Rectal Steroids					
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B				
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety						
Antianxiety Agents - Misc.						
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B		<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A		Antiarrhythmics Type I-B			
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>mexiletine hcl</i>	1B		
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B		Antiarrhythmics Type I-C			
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B		<i>flecainide acetate</i>	1B		
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B		<i>propafenone hcl CP12</i>	1B		
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>propafenone hcl TABS</i>	1B		
Benzodiazepines						
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR			
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions			
<i>alprazolam TB24</i>	1B		Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies			
<i>alprazolam TBDP</i>	1B		<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B		<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B		<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA	
<i>diazepam CONC</i>	1B		<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B		<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA	
<i>lorazepam CONC</i>	1B		<i>XOLAIR SOLR</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ea daily); PA	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ml daily); PA	
<i>oxazepam CAPS</i>	1B		Anti-Inflammatory Agents			
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms						
Antiarrhythmics Type I-A						
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B		<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B		Bronchodilators - Anticholinergics			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	<i>fluticasone propionate hfa</i>	2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	Sympathomimetics			
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl pack lmt per fill	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		
Leukotriene Modulators			<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)				
Steroid Inhalants						
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA				
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)				
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	Xanthines		
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)	<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
			ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
			Coumarin Anticoagulants		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
			Direct Factor Xa Inhibitors		
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
			XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
			Heparins And Heparinoid-Like Agents		
			<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>FRAGMIN SOSY</i>	4	SP; PA	<i>NAYZILAM</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		<i>VALTOCO 10 MG DOSE LIQD</i>	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML</i>	1B		<i>VALTOCO 15 MG DOSE LQPK</i>	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
Thrombin Inhibitors			<i>VALTOCO 20 MG DOSE LQPK</i>	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		<i>VALTOCO 5 MG DOSE LIQD</i>	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B		Anticonvulsants - Misc.		
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			<i>APTIOM</i>	3	QL(2 ea daily); ST
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			<i>BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)</i>	2	QL(2 ea daily); PA
			<i>BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)</i>	2	QL(8 ea daily); PA
			<i>BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML</i>	3	QL(20 ml daily); PA
			<i>BRIVIACT TABS</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
carbamazepine CHEW	1B		levetiracetam TB24	1B	QL(4 ea daily)
carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 ea daily)	oxcarbazepine SUSP	1B	QL(40 ml daily)
carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 ea daily)	oxcarbazepine TABS 600 MG	1B	QL(4 ea daily)
carbamazepine CP12 100 MG	1B		oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	1B	QL(3 ea daily)
carbamazepine SUSP	1B		pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	3	QL(2 ea daily); PA
carbamazepine TABS	1B		pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	3	QL(3 ea daily); PA
carbamazepine TB12 200 MG	1B	QL(6 ea daily)	pregabalin SOLN	3	QL(30 ml daily); PA
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	1B	QL(4 ea daily)	primidone 50 MG, 250 MG	1B	
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA	rufinamide SUSP	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	rufinamide TABS 400 MG	1B	QL(8 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	rufinamide TABS 200 MG	1B	QL(2 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
gabapentin CAPS	1B		TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
gabapentin SOLN	1B	QL(60 ml daily)	topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 ea daily)
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	1B		topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 ea daily)
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	1B	QL(40 ml daily)	topiramate CS24	3	PA
lacosamide TABS	1B	QL(2 ea daily)	topiramate TABS 50 MG	1B	QL(6 ea daily)
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine)	3		topiramate TABS 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
lamotrigine CHEW 25 MG	1B	QL(20 ea daily)	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
lamotrigine CHEW 5 MG	1B	QL(100 ea daily)	zonisamide CAPS	1B	QL(6 ea daily)
lamotrigine TABS	1B		Carbamates		
lamotrigine TBDP	1B	QL(1 ea daily)	felbamate SUSP	1B	QL(30 ml daily)
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	1B	QL(30 ml daily)	felbamate TABS 400 MG	1B	QL(9 ea daily)
levetiracetam TABS 1000 MG	1B	QL(3 ea daily)	felbamate TABS 600 MG	1B	QL(6 ea daily)
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	1B	QL(4 ea daily)	GABA Modulators		
levetiracetam TABS 500 MG	1B	QL(6 ea daily)	tiagabine hcl	1B	
			vigabatrin PACK	4	QL(6 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
vigabatrin TABS	4	QL(6 ea daily); SP; PA	mirtazapine TBDP 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)
Hydantoins			mirtazapine TBDP 45 MG	1B	QL(1 ea daily)
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	2		mirtazapine TBDP 15 MG	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN	2		Antidepressants - Misc.		
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	2		bupropion hcl TABS	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	2		bupropion hcl TB12 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
fosphenytoin sodium	1B		bupropion hcl TB12 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B		bupropion hcl TB12 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
phenytoin sodium SOLN	1B		bupropion hcl TB24 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
phenytoin CHEW	1B		bupropion hcl TB24 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
phenytoin SUSP	1B		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
Succinimides			EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
ethosuximide CAPS	1B	QL(6 ea daily)	phenelzine sulfate	1B	
ethosuximide SOLN	1B	QL(30 ml daily)	tranylcypromine sulfate	1B	
methsuximide	1B	QL(4 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
Valproic Acid			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
divalproex sodium TB24	1B		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
divalproex sodium TBEC	1B		citalopram hydrobromide SOLN	1B	QL(20 ml daily)
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	1B		citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1B	QL(4 ea daily)
valproic acid CAPS	1B		citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1B	QL(1 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1B	QL(2 ea daily)
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			escitalopram oxalate SOLN	1B	QL(20 ml daily)
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1B	QL(1 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
mirtazapine TABS 15 MG	1B	QL(3 ea daily)			
mirtazapine TABS 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)	
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B		
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Tricyclic Agents			
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B		
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B		
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		
			<i>imipramine pamoate</i>	1B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		<i>SOLIQUA 100/33</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>protriptyline hcl</i>	1B		<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar			<i>SYNJARDY TABS</i>	2	QL(2 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			<i>TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
Antidiabetic Combinations			<i>XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>XULTOPHY 100/3.6</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Biguanides		
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>GLYXAMBI</i>	2	QL(1 ea daily)	Diabetic Other		
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>JANUMET TABS</i>	2	QL(2 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA			
saxagliptin hcl	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA			
Incretin Mimetic Agents								
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2				
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2				
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2				
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2				
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2				
Insulin								
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2				
APIDRA SOLN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents					
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2		pioglitazone hcl	1B	QL(1 ea daily)			
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)	Meglitinide Analogues					
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)	nateglinide	1B	QL(3 ea daily)			
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		repaglinide 0.5 MG, 1 MG	1B	QL(4 ea daily)			
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		repaglinide 2 MG	1B	QL(8 ea daily)			
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors					
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B		FARXIGA	2	QL(1 ea daily)			
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)			
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		Sulfonylureas					
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		glimepiride 4 MG	1B	QL(2 ea daily)			
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA	glimepiride 1 MG, 2 MG	1B	QL(4 ea daily)			
			glipizide TABS 5 MG, 10 MG	1B	QL(4 ea daily)			
			glipizide TB24	1B	QL(2 ea daily)			
			glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	1B	QL(4 ea daily)			
			glyburide TABS	1B	QL(4 ea daily)			
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea								
Antiperistaltic Agents								
diphenoxylate w/ atropine LIQD	1B							

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
diphenoxylate w/ atropine TABS	1B		ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	1B	QL(3.34 ml daily)			
loperamide hcl CAPS	1B	RX/OTC	ondansetron hcl SOSY	1B				
MOTOFEN	3		ondansetron hcl TABS 4 MG	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)			
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS								
Antidotes - Chelating Agents								
CHEMET	3		ondansetron hcl TABS 8 MG	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)			
deferasirox PACK	4	PA	ondansetron hcl TABS 24 MG	1B	QL(0.143 ea daily)			
deferasirox TABS	4	SP; PA	ondansetron TBDP 4 MG	1B	QL(1 ea daily)			
deferasirox TBSO	4	SP; PA	ondansetron TBDP 8 MG	1B				
deferiprone TABS 500 MG	1B		palonosetron hcl SOLN	1B				
Antidotes and Specific Antagonists								
VISTOGARD	4	PA	Antiemetics - Anticholinergic					
Opioid Antagonists								
KLOXXADO LIQD	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	meclizine hcl TABS 12.5 MG	1A	RX/OTC			
naloxone hcl LIQD	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC	meclizine hcl TABS 25 MG	1B	RX/OTC			
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	0		scopolamine	1B	QL(0.34 ea daily)			
naltrexone hcl	0		trimethobenzamide hcl CAPS	1B				
VIVITROL	3		Antiemetics - Miscellaneous					
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting								
5-HT3 Receptor Antagonists								
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA	AKYNZEO	3	PA			
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	1B		doxylamine-pyridoxine TBEC	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA			
granisetron hcl TABS	1B	QL(0.34 ea daily)	dronabinol CAPS	1B				
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	1B		Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists					
			aprepitant CAPS 80 MG	1B	QL(0.134 ea daily); PA			
			aprepitant CAPS	1B	PA			
			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	1B	QL(0.067 ea daily); PA			
			aprepitant MISC	1B	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
VARUBI TBPK	3	PA	Antihistamines - Ethanolamines					
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections								
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors								
<i>caspofungin acetate</i>	1B		<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B				
ERAXIS	3		<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B				
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA	<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B				
Antifungals			<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B				
ABELCET	3		<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A				
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B				
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B				
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B				
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	Antihistamines - Non-Sedating					
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)			
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
Imidazole-Related Antifungals			<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC			
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine CAPS</i>	1B				
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine CHEW</i>	1B				
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine SOLN</i>	1B				
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>loratadine TABS</i>	1A				
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA	<i>loratadine TBDP</i>	1B				
<i>ketoconazole</i>	1B		Antihistamines - Phenothiazines					
<i>NOXAFIL SUSP (posaconazole)</i>	3	QL(20 ml daily)	<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B				
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)			
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B				
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B				
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies								
Antihistamines - Alkylamines								
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B							

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
Antihistamines - Piperidines				<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B			1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol						
Antihyperlipidemics - Combinations				<i>pravastatin sodium</i>		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)		1B	QL(1 ea daily)	
Antihyperlipidemics - Misc.						
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)	
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	
Bile Acid Sequestrants						
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors			
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)	<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	Nicotinic Acid Derivatives			
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors			
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)	<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ml daily); PA	
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA	
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA	
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure			
Fibric Acid Derivatives						
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>ACE Inhibitors</i>			
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>benazepril hcl</i>	1B		
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B		
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>enalapril maleate TABS</i>	1B		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B		
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B		<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>EDARBI</i>	3	QL(1 ea daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Antidiuretic Antihypertensives					
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)			
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>olmesartan medoxomil-amldipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>bacitracin</i>	3	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
<i>telmisartan-amldipine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 550 MG</i>	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3		<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
Antihypertensives - Misc.			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<i>VECAMYL</i>	3	PA	Antiprotozoal Agents		
Direct Renin Inhibitors			<i>ALINIA SUSR</i>	2	PA
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atovaquone</i>	1B	
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)			<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<i>eplerenone</i>	1B		Carbapenems		
Vasodilators			<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B		<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B		<i>meropenem</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B		Chloramphenicols		
			<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
			Cyclic Lipopeptides		
			<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
			Glycopeptides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)	<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)	Antimalarial Combinations		
Leprostatics			<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<i>dapsone</i>	1B		<i>COARTEM</i>	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Lincosamides			Antimalarials		
<i>clindamycin hcl</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B		<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>lincomycin hcl</i>	1B		<i>KRINTAFEL</i>	3	QL(2 ea per 30 days retail)
Monobactams			<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B				
<i>CAYSTON</i>	4	QL(3 ml daily); PA			
Oxazolidinones					
<i>linezolid SUSR</i>	1B				
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>SIVEXTRO TABS</i>	3	PA			
Polymyxins					
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B				
Urinary Anti-infectives					
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B				
<i>methenamine hippurate</i>	1B				
<i>nitrofurantoin</i>	1B				
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3		<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA	<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA	<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS					
Antimyasthenic/Cholinergic Agents					
<i>FIRDAPSE</i>	4	PA	<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA	<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B		<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		<i>GLEOSTINE 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)					
Antimycobacterial Agents					
<i>CAPASTAT SULFATE</i>	3		<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>LEUKERAN</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		<i>melphalan</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		<i>melphalan hcl</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B		<i>MYLERAN TABS</i>	4	SP; PA
<i>PASER PACK</i>	3	QL(3 ea daily)	<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
<i>PRIFTIN</i>	3		<i>TEMODAR SOLR</i>	4	SP; PA
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>rifabutin</i>	1B	PA	<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		<i>ZANOSAR</i>	4	SP; PA
<i>rifampin SOLR</i>	1B		Antimetabolites		
<i>SIRTURO</i>	3	PA	<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>TRECATOR</i>	3	QL(4 ea daily)	<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer					
Alkylating Agents					
			<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
			<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
			<i>decitabine</i>	4	SP; PA
			<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
			<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		RUXIENCE	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	YERVOY	4	SP; PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			TUKYSA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTrif	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
MVASI	4	PA	VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
ZIRABEV	4	PA	DAURISMO	4	PA
Antineoplastic - Antibodies			ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
			<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
			<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
bicalutamide	4	QL(1 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA	
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA	
EMCYT	4	SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators			
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			
exemestane	4	QL(1 ea daily); SP	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			
flutamide	4	QL(6 ea daily); SP; PA	XPOVIO	4	PA	
fulvestrant SOSY	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	
letrozole	1B		XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	4	SP; PA	Antineoplastic Antibiotics			
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	
LYSODREN	4	SP; PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	
megestrol acetate SUSP	1B		<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	
megestrol acetate TABS	1B		<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	
nilutamide	1B	QL(2 ea daily)	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	
tamoxifen citrate TABS	0		<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	
toremifene citrate	1B		<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	Antineoplastic Combinations			
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA	KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA	KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA	KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic Enzyme Inhibitors					
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
			<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TABRECTA	4	PA	<i>INTRON A SOLR 18000000 UNIT</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
TURALIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI CAPS	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	Mitotic Inhibitors		
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
ZELBORAF	4	SP; PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Enzymes			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ONCASPAR	4	SP; PA	HALAVEN	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ACTIMMUNE	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
			<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA	NEUPRO	2	
Topoisomerase I Inhibitors					
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease					
Antiparkinson Adjunctive Therapy					
<i>carbidopa</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Anticholinergics					
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors			<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)	ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
<i>tolcapone</i>	1B		Antimanic Agents		
Antiparkinson Dopaminergics			<i>LITHIUM</i>	1B	
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	Antipsychotics - Misc.		
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		<i>EQUETRO</i>	3	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B		<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B		<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		Benzisoxazoles		
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B		<i>FANAPT</i>	2	QL(2 ea daily)
			<i>FANAPT TITRATION PACK</i>	2	
			<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA	Phenothiazines			
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		
Butyrophenones						
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)	<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B		
Dibenzapines						
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>prochlorperazine</i>	1B		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		
<i>clozapine TABS</i>	1B		<i>thioridazine hcl</i>	1B		
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Quinolinone Derivatives			
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	
<i>loxpiprazole succinate</i>	1B		<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)	<i>REXULTI</i>	3	PA	
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Thioxanthenes			
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>thiothixene</i>	1B		
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Antiretrovirals			
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	
			<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	
			<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	
			<i>APTIVUS CAPS</i>	3	QL(4 ea daily)	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
atazanavir sulfate CAPS 200 MG	1B	QL(2 ea daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	lamivudine SOLN	1B	QL(30 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	lamivudine TABS 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
darunavir TABS 600 MG	3	QL(2 ea daily)	lamivudine TABS 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
darunavir TABS 800 MG	3	QL(1 ea daily)	lamivudine-zidovudine	1B	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	lopinavir-ritonavir SOLN	1B	QL(12.5 ml daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	lopinavir-ritonavir TABS	1B	QL(4 ea daily)
efavirenz CAPS 200 MG	1B	QL(2 ea daily)	maraviroc TABS 150 MG	1B	QL(2 ea daily)
efavirenz CAPS 50 MG	1B	QL(3 ea daily)	maraviroc TABS 300 MG	1B	QL(4 ea daily)
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	1B	QL(1 ea daily)	nevirapine SUSP	1B	QL(40 ml daily)
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	1B	QL(1 ea daily)	nevirapine TABS	1B	QL(2 ea daily)
efavirenz TABS	1B	QL(1 ea daily)	nevirapine TB24 400 MG	1B	QL(1 ea daily)
emtricitabine CAPS	1B	QL(1 ea daily)	nevirapine TB24 100 MG	1B	QL(3 ea daily)
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	0	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
etravirine 100 MG	1B	QL(4 ea daily)	PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
etravirine 200 MG	1B	QL(2 ea daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
fosamprenavir calcium TABS	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS	3	QL(2 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	(darunavir)		
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS 800 MG	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	(darunavir)		
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
			RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
			ritonavir TABS	1B	QL(12 ea daily)
			RUKOBIA	4	PA
			SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
			SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
			stavudine CAPS	1B	QL(2 ea daily)
			STRIBILD	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B		<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)	<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)	
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)	<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
TYBOST	3	QL(1 ea daily)	<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)	Influenza Agents			
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)	<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)	
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)	
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>RELENZA DISKHALER</i>	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)	
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	
CMV Agents			BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			
<i>cidofovir</i>	3		Alpha-Beta Blockers			
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B		<i>carvedilol</i>	1B		
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)	
Hepatitis Agents			<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B		
<i>BARACLUDE SOLN</i>	4	QL(20 ml daily); SP; PA	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA				
<i>EPIVIR HBV SOLN</i>	4	QL(60 ml daily); SP; PA				
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP				
<i>PEGASYS SOLN</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA				
<i>PEGASYS SOSY</i>	4	QL(0.072 ml daily); PA				
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)				
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)				
<i>SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS</i>	4	QL(1 ea daily); PA				
Herpes Agents						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Beta Blockers Cardio-Selective					
acebutolol hcl CAPS	1B		diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	1B	QL(2 ea daily)
atenolol TABS	1B		diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	1B	
betaxolol hcl	1B		diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	1B	
bisoprolol fumarate	1B		diltiazem hcl CP12	1B	QL(2 ea daily)
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B		diltiazem hcl CP24	1B	
metoprolol succinate TB24 200 MG	1B	QL(2 ea daily)	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	1B	
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	1B		DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B		diltiazem hcl TABS	1B	
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	3	QL(1 ea daily)	diltiazem hcl TB24	1B	
nebivolol hcl 20 MG	3	QL(2 ea daily)	felodipine	1B	
Beta Blockers Non-Selective					
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA	isradipine CAPS	1B	
nadolol TABS 80 MG	1B		nicardipine hcl CAPS	1B	
nadolol TABS 40 MG	1B	QL(6 ea daily)	nicardipine hcl SOLN	1B	
nadolol TABS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)	nifedipine CAPS 20 MG	1B	QL(9 ea daily)
pindolol TABS	1B		nifedipine CAPS 10 MG	1B	
propranolol hcl CP24	1B	QL(2 ea daily)	nifedipine TB24 90 MG	1B	QL(1 ea daily)
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	1B		nifedipine TB24 60 MG	1B	QL(2 ea daily)
propranolol hcl TABS	1B		nifedipine TB24	1B	
sotalol hcl (afib/afl)	1B		nimodipine CAPS	1B	
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	1B	QL(2 ea daily)	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	1B	
sotalol hcl TABS 240 MG	1B		verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B	
timolol maleate TABS	1B		verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	1B	QL(1 ea daily)
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure					
Calcium Channel Blockers					
amlodipine besylate TABS	1B		verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
and Abnormal Heart Rhythm								
Cardiac Glycosides								
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B		<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B		<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA			
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2		<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2		<i>OPSUMIT</i>	4	QL(1 ea daily); PA			
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions								
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations								
<i>amlodipine besylate- atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA			
<i>isosorbide dinitrate- hydralazine hcl</i>	1B		<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA			
Impotence Agents								
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA	<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA			
<i>STENDRA</i>	3	QL(0.134 ea daily)	<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA	Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist					
Prostaglandin Vasodilators								
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA	<i>UPTRAVI TITRATION PACK TBPK</i>	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA			
<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA	<i>UPTRAVI TABS 200 MCG</i>	4	PA			
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA	<i>UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG</i>	4	QL(2 ea daily); PA			
<i>TYVASO REFILL SOLN IN</i>	4	PA	Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator					
<i>TYVASO STARTER SOLN IN</i>	4	PA	<i>ADEMPAS</i>	4	QL(3 ea daily); PA			
<i>TYVASO SOLN IN</i>	4	PA	Sinus Node Inhibitors					
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Transthyretin Stabilizers					
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections					
Cephalosporins - 1st Generation					
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>cefpime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		Cephalosporins - 5th Generation		
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		TEFLARO	3	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
Cephalosporins - 2nd Generation					
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		<i>BALCOLTRA (levonorgestrel-ethynodiol-ethynodiol-iron)</i>	0	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		<i>desogestrel & ethynodiol</i>	0	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol (triphasic)</i>	0	
<i>ceprozil SUSR</i>	1B		<i>drospirenone-ethynodiol</i>	0	
<i>ceprozil TABS</i>	1B		<i>drospirenone-ethynodiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & ethynodiol</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel & ethynodiol TABS</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethynodiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethynodiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethynodiol (continuous)</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B				
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST			
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B				
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	0		ELLA	0		
LO LOESTRIN FE TABS	0		levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	0		
NATAZIA	0		Progestin Contraceptives - Injectable			
NEXTSTELLIS	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		
norethrin acet & estrad-fe CAPS	0		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	0	QL(1 ml per 90 days retail)	
norethrin acet & estrad-fe CHEW	0		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	
norethrin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	0		Progestin Contraceptives - Oral			
norethindrone & eth estradiol	0		norethindrone (contraceptive)	0		
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)	
norethindrone acet & eth estra	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	0		Glucocorticosteroids			
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	0		budesonide CPEP	1B	QL(3 ea daily)	
norgestimate-ethinyl estradiol	0		deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG	4	PA	
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	0		DEPO-MEDROL SUSP	3		
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		
TYBLUME CHEW	0		dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	1B		
Combination Contraceptives - Transdermal			dexamethasone ELIX	1B		
norelgestromin-ethinyl estradiol	0		dexamethasone SOLN	1B		
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	1A		
Combination Contraceptives - Vaginal			dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B		
ANNOVERA	0	PA	EMFLAZA SUSP	4	PA	
etonogestrel-ethinyl estradiol	0	QL(0.05 ea daily)	EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	4	PA	
Emergency Contraceptives						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
hydrocortisone TABS	1B		benzonatate 100 MG	1B	QL(6 ea daily)
MEDROL TABS	3		Cough/Cold/Allergy Combinations		
methylprednisolone acetate SUSP	1B		hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	1B	
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1B		TUZISTRA XR	2	PA
methylprednisolone TABS	1B		Misc. Respiratory Inhalants		
methylprednisolone TBPK	1B		HYPERSAL NEBU	1B	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	1B		NEBUSAL NEBU	1B	
prednisolone sodium phosphate TBDP	3		sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	1B	
prednisolone SOLN	1B		Mucolytics		
prednisolone TABS	1B		acetylcysteine SOLN	1B	
prednisone SOLN	1B		DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	1A		Acne Products		
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	1B		adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
prednisone TBPK	1B		adapalene CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
SOLU-CORTEF 250 MG	3		adapalene GEL 0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	adapalene GEL 0.3 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
SOLU-MEDROL 2 GM	3		AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1B		BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
Mineralocorticoids			benzoyl peroxide-erythromycin GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
fludrocortisone acetate TABS	1B		benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			benzoyl peroxide GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
Antitussives					
benzonatate 150 MG	1B	QL(4 ea daily)			
benzonatate 200 MG	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
benzoyl peroxide GEL 5 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)	tretinoin microsphere 0.1 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) GEL	1B	QL(8 gm daily)	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
clindamycin phosphate (topical) SOLN	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
clindamycin phosphate (topical) SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	gentamicin sulfate (topical) CREA	1B	QL(1 gm daily)
clindamycin phosphate-tretinoin	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	gentamicin sulfate (topical) OINT	1B	
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	mupirocin calcium (topical)	1B	
erythromycin (acne aid) PADS	1B	AL(At least 12 yrs old)	mupirocin OINT	1B	QL(6 gm daily)
erythromycin (acne aid) SOLN	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA	Antifungals - Topical		
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	butenafine hcl	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
sulfacetamide sodium (acne)	1B	AL(At least 12 yrs old)	ciclopirox olamine CREA	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)	ciclopirox olamine SUSP	1B	
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)	ciclopirox GEL	1B	QL(3.35 gm daily)
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
ciclopirox SHAM	1B	QL(10 ml daily)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)	
ciclopirox SOLN	1B	QL(0.22 ml daily)	sulconazole nitrate CREA	1B		
clotrimazole (topical) CREA	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC	sulconazole nitrate SOLN	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	
clotrimazole (topical) SOLN	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	tavaborole	1B	PA	
clotrimazole w/ betamethasone CREA	1B	QL(8 gm daily)	Anti-inflammatory Agents - Topical			
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	1B		diclofenac epolamine PTCH EX	1B	QL(2 ea daily); PA	
econazole nitrate CREA	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	diclofenac sodium (topical) GEL EX	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			
ketoconazole (topical) CREA	1B	QL(10 gm daily)	bexarotene (topical)	4	SP; PA	
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	1B	QL(20 ml daily)	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	1B	QL(3.34 gm daily); PA	
luliconazole	1B	PA	fluorouracil (topical) CREA 5 %	1B	QL(4 gm daily)	
naftifine hcl CREA 1 %	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	fluorouracil (topical) SOLN	1B	QL(2 ml daily)	
naftifine hcl CREA 2 %	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)	
nystatin (topical) CREA	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical			
nystatin (topical) OINT	1B	QL(6 gm daily)	doxepin hcl (antipruritic)	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA	
nystatin (topical) POWD EX	1B	QL(10 gm daily)	Antipsoriatics			
nystatin-triamcinolone CREA	1B	QL(10 gm daily)	acitretin 10 MG, 17.5 MG	1B	QL(1 ea daily)	
nystatin-triamcinolone OINT	1B	QL(4 gm daily)	acitretin 25 MG	1B	QL(2 ea daily)	
oxiconazole nitrate CREA	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	Burn Products			
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>mafenide acetate PACK</i>	3		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	SULFAMYLYON CREA	3		
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical			
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)	
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3		
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3		
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B					
Antivirals - Topical						
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>CORDRAN TAPE</i>	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>HALOG OINT</i>	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
hydrocortisone butyrate SOLN	1B	QL(5 ml daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
hydrocortisone valerate CREA	1B		pimecrolimus	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
hydrocortisone valerate OINT	1B		tacrolimus (topical) OINT	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
mometasone furoate CREA	1B	QL(3 gm daily)	Keratolytic/Antimitotic Agents		
mometasone furoate OINT	1B	QL(4 gm daily)	podofilox SOLN	1B	
mometasone furoate SOLN	1B	QL(5 ml daily)	Local Anesthetics - Topical		
prednicarbate OINT	1B		lidocaine hcl GEL 2 %	1B	QL(4 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	1B	QL(3.34 gm daily)	lidocaine hcl PRSY	1B	QL(4 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	1B	QL(15.15 gm daily)	lidocaine hcl SOLN	1B	QL(10 ml daily)
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	1B	QL(5 gm daily)	lidocaine-prilocaine CREA	1B	QL(1 gm daily)
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	1B		lidocaine PTCH 5 %	1B	PA
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	1B	QL(6 ml daily)	SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	1B	QL(6 gm daily)	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	1B	QL(15.15 gm daily)	EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone	1B	PA	Rosacea Agents		
Emollients			azelaic acid GEL	1B	QL(1.67 gm daily)
lactic acid (ammonium lactate) CREA	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC	brimonidine tartrate (topical)	3	QL(1 gm daily); PA
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	1B	RX/OTC	metronidazole (topical) CREA	1B	QL(3 gm daily)
Enzymes - Topical			metronidazole (topical) GEL 0.75 %	1B	QL(3 gm daily)
SANTYL OINT	3	PA	metronidazole (topical) GEL 1 %	1B	QL(5 gm daily)
Immunomodulating Agents - Topical			metronidazole (topical) LOTN	1B	
imiquimod 5 %	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	Scabicides & Pediculicides		
			crotamiton LOTN	1B	PA
			ivermectin (pediculicide)	1B	PA; RX/OTC
			malathion	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
permethrin CREA	1B		TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
permethrin LIQD EX	1B		DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
spinosad	1B	PA	Digestive Enzymes		
Wound Care Products					
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)	CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIAGNOSTIC PRODUCTS					
Diagnostic Drugs					
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Diagnostic Tests			ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
CHEMSTRIP-K STRP	1B		DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B		Carbonic Anhydrase Inhibitors		
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B		acetazolamide sodium	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B		acetazolamide CP12	1B	QL(2 ea daily)
KETONE TEST STRIPS STRP	1B		acetazolamide TABS 125 MG	1B	QL(8 ea daily)
KETONE STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
PRECISION XTRA	1B				
PTS PANELS KETONE TEST	1B				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
acetazolamide TABS 250 MG	1B	QL(4 ea daily)	metolazone	1B	QL(2 ea daily)
dichlorphenamide	4	QL(4 ea daily); PA	ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
methazolamide TABS	1B	QL(6 ea daily)	- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Diuretic Combinations					
amiloride & hydrochlorothiazide	1B		Bone Density Regulators		
spironolactone & hydrochlorothiazide	1B		alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	1B	QL(0.143 ea daily)
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	1B		alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	1B	QL(1 ea daily)
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	1B		calcitonin (salmon) NA	1B	QL(0.14 ml daily)
Loop Diuretics			FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	1B		FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
bumetanide TABS	1B	QL(5 ea daily)	ibandronate sodium SOLN	4	SP; PA
ethacrynic acid	1B	QL(16 ea daily)	ibandronate sodium TABS	1B	QL(0.036 ea daily)
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	1B		pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	4	SP; PA
furosemide TABS	1B		PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
torsemide TABS	1B		PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
Potassium Sparing Diuretics			risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	1B	QL(1 ea daily); PA
amiloride hcl TABS	1B		risedronate sodium TABS 150 MG	1B	QL(0.036 ea daily); PA
spironolactone TABS	1B		risedronate sodium TABS 35 MG	1B	QL(0.143 ea daily); PA
triamterene CAPS	1B	QL(3 ea daily)	risedronate sodium TBEC	1B	PA
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics			teriparatide (recombinant) SOPN	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	1B		TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
hydrochlorothiazide CAPS	1B	QL(2 ea daily)	TYMLOS	4	PA
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	1A	QL(2 ea daily)	XGEVA SOLN	4	SP; PA
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	zoledronic acid CONC	4	SP; PA
indapamide TABS 2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)			
indapamide TABS 1.25 MG	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
zoledronic acid SOLN	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
Corticotropin			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
ACTHAR	3	PA	SYNAREL	4	SP; PA
Fertility Regulators			Metabolic Modifiers		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists			<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
ORILISSA	2	PA	<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			ELAPRASE	4	SP; PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
EGRIFTA SV	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
Growth Hormones			MYALEPT	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	NAGLAZYME	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
Hormone Receptor Modulators			PHEBURANE PLLT	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
INCRELEX	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			Posterior Pituitary Hormones		
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
			<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	ESTROGEL GEL	3	
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	EVAMIST SOLN	3	
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA	MENEST	3	
Prolactin Inhibitors			MENOSTAR PTWK	3	
<i>cabergoline</i>	1B		PREMARIN SOLR	2	
Somatostatic Agents			PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA	Fluoroquinolones		
SIGNIFOR	4	PA	BAXDELA SOLR	3	PA
Vasopressin Receptor Antagonists			BAXDELA TABS	3	PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
Estrogen Combinations			<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CLIMARA PRO	3		CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
DUAVEE	3	PA	<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>norethindrone acetate-ethynodiol estradiol</i>	1B		<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
PREMPHASE	2		<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)	<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
Estrogens			<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B		<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
DEPO-ESTRADOL	3		<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
ELESTRIN GEL	3		GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
<i>estradiol valerate</i>	1B		Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
<i>estradiol GEL</i>	1B		CHOLBAM	4	SP; PA
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)	Gallstone Solubilizing Agents		
<i>estradiol PTWK</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>alvimopan</i>	1B	
<i>ursodiol TABS</i>	1B		MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Gastrointestinal Chloride Channel Activators					
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)	Phosphate Binder Agents		
Gastrointestinal Stimulants					
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)	<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
Inflammatory Bowel Agents			PHOSLYRA SOLN	2	
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)	<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
DIPENTUM	2		<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
INFLECTRA	4	PA	GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA	Alkalinizers		
<i>mesalamine CPDR</i>	1B		<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3		<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
<i>mesalamine SUPP</i>	3		Cystinosis Agents		
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)	CYSTAGON CAPS	3	PA
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3		Genitourinary Irrigants		
RENFLEXIS	4	PA	<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA	<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA	<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B		SORBITOL 3 %	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B		SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Intestinal Acidifiers			Interstitial Cystitis Agents		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B		ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents			Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)			
LINZESS	2	QL(1 ea daily)			
Peripheral Opioid Receptor Antagonists					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	ORLADEYO	4	PA
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)	TAKHZYRO SOLN	4	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only	TAKHZYRO SOSY	4	PA
<i>silodosin</i>	1B		Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>tamsulosin hcl</i>	1B		<i>anagrelide hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics			<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B		BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
Urinary Stone Agents			CABLIVI	4	PA
<i>THIOLA EC TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA	<i>cilostazol</i>	1B	
<i>THIOLA EC TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout					
Gout Agent Combinations			<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B		<i>dipyridamole</i>	1B	
Gout Agents			<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>allopurinol</i>	1B		ZONTIVITY	3	PA
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Agents for Gaucher Disease		
Uricosurics			<i>CERDELGA</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>probenecid</i>	1B		<i>CEREZYME 400 UNIT</i>	4	SP; PA
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders			<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists			Agents for Sickle Cell Disease		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA	<i>DROXIA CAPS</i>	3	
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA	<i>OXBRYTA TABS 500 MG</i>	4	PA
Complement Inhibitors			Cobalamins		
<i>HAEGARDA SOLR SC</i>	4	PA	<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Hematorheologic Agents			Folic Acid/Folates		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>folic acid TABS</i>	0	
Plasma Kallikrein Inhibitors			Hematopoietic Growth Factors		
			<i>ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML</i>	4	SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA	<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA	Stem Cell Mobilizers		
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA	MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA	Hemostatics - Systemic		
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA	<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
RETACRIT	4	PA	HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
RETACRIT	4	PA	Barbiturate Hypnotics		
UDENYCA SOAJ	4	PA	<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
UDENYCA SOSY	4	PA	<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
ZARXIO	4	PA	Hypnotics - Tricyclic Agents		
ZIEXTENZO	4	PA	<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Hematopoietic Mixtures			Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>estazolam</i>	1B	
Iron			<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)	<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0		<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
			<i>triazolam</i>	1B	
			<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
zaleplon 5 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	docusate calcium	1A	QL(1 ea daily)			
zolpidem tartrate TABS	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	docusate sodium CAPS 250 MG	1A				
zolpidem tartrate TBCR	1B	QL(1 ea daily)	docusate sodium CAPS 100 MG	1A	QL(4 ea daily)			
Orexin Receptor Antagonists								
BELSOMRA	3	PA	LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing					
Selective Melatonin Receptor Agonists								
ramelteon	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	Local Anesthetics - Amides					
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs								
Bulk Laxatives								
calcium polycarbophil TABS	1B		lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	1B				
Laxative Combinations								
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	1B		MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections					
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	0		Azithromycin					
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	1B	PA	azithromycin PACK	1B				
sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	1B		azithromycin SOLR	1B				
Laxatives - Miscellaneous			azithromycin SUSR	1B				
lactulose SOLN	1B		azithromycin TABS 500 MG	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)			
Saline Laxatives			azithromycin TABS 250 MG	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)			
OSMOPREP	3	PA	azithromycin TABS 600 MG	1B	QL(0.286 ea daily)			
Stimulant Laxatives			Clarithromycin					
bisacodyl SUPP	1A		clarithromycin SUSR	1B				
bisacodyl TBEC	1A		clarithromycin TABS	1B				
Surfactant Laxatives			clarithromycin TB24	1B				
Erythromycins								
			erythromycin base CPEP	3				
			erythromycin base TABS	3				
			erythromycin base TBEC	1B				
			erythromycin ethylsuccinate SUSR	1B				
			erythromycin ethylsuccinate TABS	3				
Fidaxomicin								
			DIFCID TABS	2				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES					
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	1B	QL(5 ea daily); RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	1B	QL(5 ea daily)
Diabetic Supplies			MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Serotonin Agonists			<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	Bicarbonates		
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B		<i>potassium chloride in nacl</i> 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
Calcium			POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/L ACTATED RINGERS	1B	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>ringer's</i>	1B	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		Fluoride		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW</i> 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
<i>electrolyte-a</i>	1B		Magnesium		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>magnesium sulfate IJ</i> 50 %	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		Phosphate		
ISOLYTE-S	1B		<i>potassium phosphates</i> 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		Potassium		
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN</i> 2 MEQ/ML	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
NORMOSOL-R	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B		<i>potassium chloride PACK OR</i> 20 MEQ	1B	PA
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B		<i>potassium chloride SOLN</i> IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV</i> 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
Sodium			<i>NULOJIX</i>	4	SP; PA
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>PROGRAF PACK</i>	2	PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES					
Chelating Agents					
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>THYMOGLOBULIN</i>	4	SP; PA
Immunomodulators					
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>THALOMID</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>ATGAM</i>	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>AZATHIOPRINE</i>	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		<i>LOKELMA</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B		Anesthetics Topical Oral		
<i>ENSPRYNG</i>	4	PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B		Anti-infectives - Throat		
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B		<i>clotrimazole</i>	1B	
			<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
			Antiseptics - Mouth/Throat		
			<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
			<i>DEBACTEROL</i>	2	
			Dental Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/f CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	Nasal Steroids		
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
VITATELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms			<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
Central Muscle Relaxants			XHANCE EXHU	3	PA
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B		NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
<i>carisoprodol TABS</i>	1B		ALS Agents		
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>riluzole TABS</i>	3	
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	NUTRIENTS		
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Proteins		
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B		<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%</i>	3	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%</i>	3	
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B		<i>CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%</i>	3	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B		OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Direct Muscle Relaxants			Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus			<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
Nasal Antiallergy			<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC	<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
Nasal Anticholinergics					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			<i>ZIRGAN GEL</i>	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<i>IOPIDINE</i>	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			<i>ALREX SUSP</i>	3	PA
<i>AZASITE</i>	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>FML FORTE SUSP</i>	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>FML OINT</i>	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B		<i>LOTEMAX OINT</i>	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>KLARITY-A</i>	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>MAXIDEX SUSP OP</i>	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>NATACYN</i>	2		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
			<i>PRED MILD</i>	3	PA
			<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3		<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B				
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B		<i>ofloxacin (otic)</i>	1B				
Ophthalmics - Misc.								
ALOCRIL	3	PA	<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA			
ALOMIDE	3	PA	<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA			
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B		CORTISPORIN-TC	3				
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA	<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)			
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B				
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B		Otic Steroids					
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA	<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B				
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B		<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B				
<i>dorzolamide hcl</i>	1B		PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System					
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B		Immune Serums					
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B		GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA			
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B		GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA			
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B		GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA			
LASTACAFT	3	PA	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA			
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST	GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA			
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA			
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA			
Prostaglandins - Ophthalmic								
<i>bimatoprost SOLN</i>	3		GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA			
<i>latanoprost SOLN</i>	1B							
<i>tafluprost</i>	1B							
<i>travoprost SOLN</i>	1B							
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear								
Otic Agents - Miscellaneous								
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)						
Otic Anti-infectives								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Passive Immunizing Agents - Combinations					
HYQVIA	4	PA	<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections					
Aminopenicillins					
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A		<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B		<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B		<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A		PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
<i>amoxicillin TABS</i>	1B		Progestins		
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B		<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
Natural Penicillins			<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B		<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B		<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3		PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
<i>penicillin g sodium</i>	3		Agents for Chemical Dependency		
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B		<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B		<i>disulfiram</i>	1B	
Penicillin Combinations			<i>LUCEMYRA</i>	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B		Antidementia Agents		
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
galantamine hydrobromide CP24	1B	QL(1 ea daily)	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)
galantamine hydrobromide SOLN	1B	QL(6 ml daily)	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)
galantamine hydrobromide TABS	1B	QL(2 ea daily)	KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
memantine hcl TABS	1B	QL(2 ea daily)	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
memantine hcl TABS	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
rivastigmine tartrate CAPS	1B		PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
Combination Psychotherapeutics			PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
chlordiazepoxide-amitriptyline	1B		REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
perphenazine-amitriptyline	1B	QL(4 ea daily)	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
Fibromyalgia Agents			REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	teriflunomide	4	QL(1 ea daily)
Movement Disorder Drug Therapy			Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	pregabalin (once-daily) 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
tetrabenazine	4	QL(3 ea daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	ergoloid mesylates TABS	1B	
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	pimozide	1B	
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	Smoking Deterrents		
dalfampridine	4	QL(2 ea daily); SP; PA	bupropion hcl (smoking deterrent)	0	QL(2 ea daily)
dimethyl fumarate CDPK	4	QL(2 ea daily); PA			
dimethyl fumarate CPDR	4	QL(2 ea daily)			
fingolimod hcl	4	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0		SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0		Sulfonamides		
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0		<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)	TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)	Glycylcyclines		
NICOTROL INHALER INHA	0		<i>tigecycline</i>	1B	
NICOTROL NS SOLN	0		Tetracyclines		
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>demeclercycline hcl TABS</i>	1B	
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0		<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
Transthyretin Amyloidosis Agents			<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
TEGSEDI	4	PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)			<i>doxycycline hydiate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
PROLASTIN-C SOLN	4	PA	<i>doxycycline hydiate SOLR</i>	1B	
PROLASTIN-C SOLR	4	PA	<i>doxycycline hydiate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Cystic Fibrosis Agents			<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA	THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA	Antithyroid Agents		
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA	<i>methimazole TABS</i>	1B	
Pulmonary Fibrosis Agents			<i>propylthiouracil</i>	1B	
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA	Thyroid Hormones		
<i>pirfenidone CAPS</i>	4				
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4				
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2		Antispasmodics		
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B		<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B		<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B		<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)	<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2		<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
TOXOIDS			H-2 Antagonists		
Toxoid Combinations			<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
ADACEL SUSP	0		<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
BOOSTRIX SUSP	0		<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
BOOSTRIX SUSY	0		<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
DAPTACEL	0		<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0		<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
INFANRIX	0		<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
KINRIX SUSY	0		<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
PEDIARIX SUSY	0		<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
PENTACEL	0		Misc. Anti-Ulcer		
QUADRACEL SUSP	0		<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
QUADRACEL SUSY	0		<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
TDVAX SUSP	0		Proton Pump Inhibitors		
TENIVAC INJ	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B		
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B		
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B		<i>solifenacina succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC	<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)	Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B		<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)	Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			
Ulcer Drugs - Prostaglandins						
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>flavoxate hcl</i>	1B		
Ulcer Therapy Combinations						
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)	VACCINES			
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	Bacterial Vaccines			
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms						
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)						
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>ACTHIB SOLR IM</i>	0		
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>BEXSERO</i>	0		
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B		<i>HIBERIX SOLR IJ</i>	0		
			<i>MENACTRA</i>	0		
			<i>MENQUADFI</i>	0		
			<i>MENVEO SOLR</i>	0		
			<i>PEDVAX HIB SUSP</i>	0		
			<i>PNEUMOVAX 23</i>	0		
			<i>PNEUMOVAX 23/1 DOSE</i>	0		
			<i>PREVNAR 13</i>	0		
			<i>PREVNAR 20</i>	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	
			<i>TRUMENBA</i>	0		
			<i>VAXNEUVANCE</i>	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	
Viral Vaccines						
			<i>ABRYSVO</i>	0	AL(At least 60 yrs old)	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0	AL(At least 60 yrs old)	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLULALVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULALVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULALVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HAVRIX	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	ROTARIX SUSR	0	
IPOP INACTIVATED IPV	0		ROTATEQ SOLN	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		Miscellaneous Vaginal Products		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		Spermicides		
PREHEVBRI	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	TODAY SPONGE MISC	0	
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	Vaginal Anti-infectives		
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
ROTARIX SUSP	0		GYZAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
			<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
			<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
			Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
			PHEXXI	0	PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vaginal Estrogens			<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>NIACIN TR TBCR</i>	1B	
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B		<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
FEMRING	3	PA	<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)	<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions			<i>niacin TABS</i>	1A	
Anaphylaxis Therapy Agents			<i>niacin TBCR</i>	1A	
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)			
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)			
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)			
Vasopressors					
<i>midodrine hcl</i>	1B				
VITAMINS					
Oil Soluble Vitamins					
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A				
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0				
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0				
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B				
<i>VITAMIN D2 TABS 400 UNIT</i>	0	AL(At least 65 yrs old)			
Water Soluble Vitamins					

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	albendazole	7
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate AERS	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
ABELCET	18	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albuterol sulfate SYRP	9
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	albuterol sulfate TABS	9
ABRYSVO	63	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acarbose	15	adapalene CREA	36	ALDURAZYME	44
acebutolol hcl CAPS	32	adapalene GEL 0.1 %	36	ALECENSA	26
acetaminophen w/ codeine SOLN	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	47
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	ALINIA SUSR	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	aliskiren fumarate	21
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	62	allopurinol	47
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	64	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetazolamide TABS 250 MG	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	ALOCRIL	58
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	alogliptin-metformin hcl	15
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AIMOVIG	51	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acitretin 25 MG	38	AIMSCO LUBRICATED MISC	50	ALOMIDE	58
ACTHAR	44	AKYNZEO	17	alosetron hcl	46
ACTHIB SOLR IM	63				
ACTIMMUNE	27				

alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	20	1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide
ALREX SUSP	57	amoxapine
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59
alvimopan	46	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CAPS
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 59
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML59
ambrisentan	33	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML
amcinonide CREA	39	amoxicillin TABS
amcinonide LOTN	39	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG
amiloride & hydrochlorothiazide ..	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG
aminocaproic acid TABS	48	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
aminophylline SOLN	10	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amiodarone hcl TABS	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG
amlodipine besylate-benazepril hcl		amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG

25 MCG/ML	47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN		atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin	21
40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atovaquone	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	34
ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl	22	balsalazide disodium CAPS	46
AREXVY	64	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	26
arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	11
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	11
ariPIPRAZOLE SOLN OR	29	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDE SOLN	31
ariPIPRAZOLE TABS	29	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
armodafinil	1	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARMOUR THYROID TABS	62	AYVAKIT	25	BAXDELA TABS	45
ARNUITY ELLIPTA	9	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	49
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	20
ARZERRA	24	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	20
ascorbic acid SOLN IJ	67	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
asenapine maleate 2.5 MG	29	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	23
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	29	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	36
aspirin CHEW	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin TABS 325 MG	4	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
aspirin TBEC 325 MG	4	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	4	azithromycin SOLR	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
aspirin-dipyridamole	47	azithromycin SUSR	49	benzoyl peroxide TABS 250 MG	49
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azithromycin TABS 500 MG	49	benzoyl peroxide TABS 500 MG	49
atazanavir sulfate CAPS 200 MG	30	azithromycin TABS 600 MG	49	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atenolol & chlorthalidone	20	aztreonam 1 GM	22	benzoyl peroxide GEL 5 %	37
atenolol TABS	32	bacitracin (ophthalmic)	57	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	37
ATGAM	54	bacitracin	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56

benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	bimatoprost SOLN	58	budesonide (nasal)	56
36	bisacodyl SUPP	49	budesonide CPEP	35
benztropine mesylate SOLN	28	bisacodyl TBEC	49	budesonide-formoterol fumarate
benztropine mesylate TABS	28	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	dihydrate
bepotastine besilate	58	bisoprolol fumarate	32	10
betaine	44	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ..
betamethasone dipropionate (topical)		BOOSTRIX SUSP	62	43
CREA	39	BOOSTRIX SUSY	62	bumetanide TABS
betamethasone dipropionate (topical)		bortezomib SOLR IJ	26	43
LOTN	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl SOLN
betamethasone dipropionate (topical)		bosentan TABS 125 MG	33	6
OINT	39	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl SUBL
betamethasone dipropionate		BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG ..	26	6
augmented CREA	39	BOSULIF TABS 400 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl
betamethasone dipropionate		BRAFTOVI 75 MG	26	dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3
augmented LOTN	39	BREO ELLIPTA	9	MG-12 MG
betamethasone dipropionate		BREZTRI AEROSPHERE	9	buprenorphine hcl (smoking deterrent) ..
augmented OINT	39	BRILINTA	47	60
betamethasone valerate CREA	39	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TABS
betamethasone valerate FOAM ..	40	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % ..	57	13
betamethasone valerate LOTN	40	57	bupropion hcl TB12 100 MG	
betamethasone valerate OINT	40	brimonidine tartrate-timolol maleate ..	.	13
BETASERON KIT	60	56	bupropion hcl TB12 150 MG	
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11	13
betaxolol hcl	32	BRIVIACT TABS	11	bupropion hcl TB12 200 MG
bethanechol chloride 25 MG	63	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % ..	.58	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG,		bromocriptine mesylate CAPS	28	bupropion hcl TB24 150 MG
50 MG	63	bromocriptine mesylate TABS 2.5		13
bexarotene (topical)	38	MG	28	bupropion hcl TB24 300 MG
bexarotene	27	BRUKINSA	26	13
BEXSERO	63	budesonide (inhalation) SUSP	9	buspirone hcl 5 MG
bicalutamide	25	budesonide (intrarectal)	7	8
BIKTARVY	30	budesonide (nasal)	56	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15
		budesonide CPEP	35	MG, 30 MG
		budesonide-formoterol fumarate		8
		dihydrate		busulfan SOLN
		10		23
		bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ..		butalbital-acetaminophen TABS 50
		43		MG-325 MG
		bumetanide TABS		4
		43		butalbital-acetaminophen-caffeine
		6		CAPS 40 MG-50 MG-300 MG
		6		4
		buprenorphine hcl SOLN		butalbital-acetaminophen-caffeine

CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carteolol hcl (ophth)	56
butalbital-acetaminophen-caffeine		calcium polycarbophil TABS	49	carvedilol	31
TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	CALQUENCE	26	carvedilol phosphate	31
butalbital-acetaminophen-caffeine w/		candesartan cilexetil	20	caspofungin acetate	18
codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300		candesartan cilexetil-		CAYA DPRH	50
MG	6	hydrochlorothiazide	20	CAYSTON	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/		CAPASTAT SULFATE	23	cefaclor CAPS	34
codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325		capecitabine	23	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250	
MG	6	CAPRELSA	26	MG/5ML, 375 MG/5ML	34
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil CAPS	34
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefadroxil SUSR	34
butenafine hcl	37	carbamazepine CHEW	12	cefadroxil TABS	34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2		carbamazepine CP12 100 MG	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10	
MG/ML	7	carbamazepine CP12 200 MG	12	GM, 500 MG	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefdinir CAPS	34
cabergoline	45	carbamazepine SUSP	12	cefdinir SUSR	34
CABLIVI	47	carbamazepine TABS	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine TB12 100 MG, 400		cefixime CAPS	34
calcipotriene CREA	39	MG	12	cefixime SUSR	34
calcipotriene OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene SOLN	39	carbidopa	28	34	
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TABS	28	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
dipropionate OINT	40	carbidopa-levodopa TBCR	28	34	
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TBDP	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	34
dipropionate SUSP	40	carbidopa-levodopa-entacapone ..	28	34	
calcitonin (salmon) NA	43	28	cefpodoxime proxetil SUSR	34	
calcitriol (topical)	39	carbinoxamine maleate SOLN	18	cefpodoxime proxetil TABS	34
calcitriol CAPS	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .		34	
calcitriol SOLN IV	44	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	
calcium acetate (phosphate binder)		carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23	ceftazidime sodium IJ 1 GM, 2 GM,	
CAPS	46	500 MG		34	
calcium acetate (phosphate binder)		carisoprodol TABS	56	ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34
TABS	46	carmustine	23	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM	
		34			

cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	3	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methylsuximide)	13	cholestyramine PACK	19	clarithromycin SUSR	49
cephalexin CAPS	34	cholestyramine POWD	19	clarithromycin TABS	49
cephalexin SUSR	34	choline fenofibrate	19	clarithromycin TB24	49
CERDELGA	47	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		CLASSIC PRENATAL TABS	55
CEREZYME 400 UNIT	47	ciclopirox GEL	37	clemastine fumarate SYRP	18
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine CREA	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	
cevimeline hcl	55	ciclopirox olamine SUSP	37	CLIMARA PRO	45
CHEMET	17	ciclopirox SHAM	38	clindamycin hcl	22
CHEMSTRIP-K STRP	42	ciclopirox SOLN	38	clindamycin palmitate hydrochloride . 22	
chloramphenicol sodium succinate 21		cidofovir	31	clindamycin phosphate (topical) FOAM	37
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	47	clindamycin phosphate (topical) GEL 37	
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	62	CIMDUO	30	clindamycin phosphate (topical) LOTN	37
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	cimetidine TABS	62	clindamycin phosphate (topical) SOLN	37
chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	54	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical) SWAB	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	CIPRO SUSR	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	57	clindamycin phosphate vaginal CREA	66
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl (otic)	58	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37
chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl TABS	45	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	45		
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	ciprofloxacin-dexamethasone	58		
CHOLBAM	45	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide ..	58		
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23		
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	citalopram hydrobromide SOLN	13		
		citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13		

clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clotrimazole w/ betamethasone CREA	38	SOAJ	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	38	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ..	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clozapine TABS	29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML ..	39
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clozapine TBDP 100 MG	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CREON CPEP	42
clobazam TABS	11	clozapine TBDP 25 MG	29	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40		COARTEM	22	cromolyn sodium (ophth)	58
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40	codeine sulfate TABS 30 MG	5	cromolyn sodium NEBU	8
clobetasol propionate FOAM	40	CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-	
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40		colchicine TABS	47	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		colchicine w/ probenecid	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		colesevelam hcl PACK	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
clorcortolone pivalate	40	colesevelam hcl TABS	19	cyclophosphamide CAPS	23
clofarabine	23	colestipol hcl GRAN	19	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clomipramine hcl	14	colestipol hcl PACK	19	cycloserine	23
clonazepam TABS	11	COMETRIQ KIT	26	cyclosporine (ophth) EMUL	57
clonidine	20	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64	cyclosporine CAPS	54
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY SUSP	64	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	54
clonidine hcl TABS	20	COMPLERA	30	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54
clopidogrel bisulfate 300 MG	47	CONTRAVE	1	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	54
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COPIKTRA	26	CYLTEZO AJKT	3
clorazepate dipotassium TABS	8	CORDRAN TAPE	40	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML ..	3
clotrimazole (topical) CREA	38	CORLANOR SOLN	33	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3
clotrimazole (topical) SOLN	38	CORLANOR TABS	33	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	
clotrimazole	54	CORTISPORIN-TC	58		
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN			

AJKT	3	MG, 36 MG	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG
cyproheptadine hcl SYRP	19	DELSTRIGO	30	dexamethasone ELIX
cyproheptadine hcl TABS	19	demeclocycline hcl TABS	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC
CYSTAGON CAPS	46	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)
CYSTARAN	58	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML
cytarabine SOLN	23	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone SOLN
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexamethasone TABS 1 MG
dactinomycin	25	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18
dalfampridine	60	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45	dexlansoprazole
danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray	44	dexamethylphenidate hcl CP24
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dexamethylphenidate hcl TABS
dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.2 MG		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG
daptomycin 500 MG	21	desogestrel & ethynodiol dihydrogen acetate	34	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethynodiol (biphasic)	34	dextrose in lactated ringers
darunavir TABS 600 MG	30	desogestrel-ethynodiol (triphasic)	34	DIACOMIT CAPS
darunavir TABS 800 MG	30	desonide CREA	40	DIACOMIT PACK 250 MG
DAURISMO	24	desonide LOTN	40	DIACOMIT PACK 500 MG
DEBACTEROL	54	desonide OINT	40	diazepam (anticonvulsant) GEL
decitabine	23	desoximetasone CREA 0.25 %	40	diazepam CONC
deferasirox PACK	17	desoximetasone GEL	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML
deferasirox TABS	17	desoximetasone OINT 0.25 %	40	Index 8
deferasirox TBSO	17			
deferiprone TABS 500 MG	17			
deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30				

diazepam TABS	8	extended)	13	dipyridamole	47
diazoxide	15	DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	8
dichlorphenamide	43	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	59
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32	divalproex sodium TBEC	13
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl CP12	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl CP24	32	docusate calcium	49
diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	DILTIAZEM HCL SOLR	32	dofetilide	8
dicloxacillin sodium	59	diltiazem hcl TABS	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	59
dicyclomine hcl CAPS	62	diltiazem hcl TB24	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG ..	59
dicyclomine hcl SOLN OR	62	dimethyl fumarate CDPK	60	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	59
dicyclomine hcl TABS	62	dimethyl fumarate CPDR	60	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG ..	59
DIFFERIN LOTN	37	DIPENTUM	46	DOPTELET	48
DIFICID TABS	49	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	18	dorzolamide hcl	58
diflorasone diacetate CREA	40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	56
diflorasone diacetate OINT	40	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	DOVATO	30
diflunisal TABS	4	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxazosin mesylate	20
difluprednate	57	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxepin hcl (antipruritic)	38
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl (sleep)	48
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	62	doxepin hcl CAPS	14
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52			doxepin hcl CONC	14
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52			doxercalciferol CAPS	44
DILANTIN (phenytoin sodium				doxercalciferol SOLN	44
				doxorubicin hcl liposomal	25

doxorubicin hcl SOLN	25	efavirenz TABS	30	fumarate 200 MG-300 MG	30
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMTRIVA SOLN	30
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMVERM CHEW	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	61	EGRIFTA 2 MG	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	20
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	61	EGRIFTA SV	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	20
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	61	ELAPRASE	44	enalapril maleate TABS	19
doxycycline hyclate CAPS	61	electrolyte-148	53	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate SOLR	61	electrolyte-a	53	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOLR	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
dronabinol CAPS	17	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
drospirenone-ethynodiol-levomefolate calcium	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
DROXIA CAPS	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK . 10	10	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	64
DUAVEE	45	ELIQUIS TABS	10	ENGERIX-B SUSY	64
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELLA	35	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10
duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	ELMIRON CAPS	46	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11
dutasteride	47	EMFLAZA SUSP	35	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11
econazole nitrate CREA	38	EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	35	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
EDARBI	20	EMGALITY SOAJ	52	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
EDURANT	30	EMGALITY SOSY 100 MG/ML ..	52	ENSPRYNG	54
efavirenz CAPS 200 MG	30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML ..	52	entacapone	28
efavirenz CAPS 50 MG	30	emtricitabine CAPS	30	entecavir TABS	31
		emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30	EPIDIOLEX	12

epinastine hcl (ophth)	58	erythromycin base TBEC	49	etongestrel-ethynodiol	35
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49		ETOPOPHOS	27
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67	erythromycin ethylsuccinate TABS 49		etoposide CAPS	27
EPIVIR HBV SOLN	31	escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
eplerenone	21	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etravirine 100 MG	30
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	escitalopram oxalate TABS 20 MG 14		etravirine 200 MG	30
epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate TABS 5 MG . 14		EUCRISA	41
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	EVAMIST SOLN	45
EQUETRO	28	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	62	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
ERAXIS	18	esomeprazole magnesium TBEC . 63		everolimus TABS	26
ERBITUX	24	estazolam	48	EVOTAZ	30
ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL	45	exemestane	25
ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol PTTW	45	ezetimibe	19
ergoloid mesylates TABS	60	estradiol PTWK	45	ezetimibe-simvastatin	19
ERGOMAR SUBL	52	estradiol TABS	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	31
ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal CREA	67	famciclovir 500 MG	31
ERIVEDGE	24	estradiol vaginal TABS	67	famotidine in nacl SOLN	62
ERLEADA 240 MG	25	estradiol valerate	45	famotidine SOLN 20 MG/2ML	62
ERLEADA 60 MG	25	ESTROGEL GEL	45	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	62
erlotinib hcl	24	eszopiclone	48	famotidine SUSR	62
ERTACZO	38	ethacrynic acid	43	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
ertapenem sodium IJ	21	ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	28
erythromycin (acne aid) PADS	37	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	28
erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ..	50
erythromycin (ophth)	57	ethynodiol diacet & eth estrad ..	34	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
erythromycin base CPEP	49	etodolac CAPS	3	FARXIGA	16
erythromycin base TABS	49	etodolac TABS	3	FASENRA PEN SOAJ	8

FASENRA SOSY	8	flavoxate hcl	63	flucytosine	18
FC2 FEMALE CONDOM	50	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLN	23
febuxostat	47	flouxuridine	23	fludarabine phosphate SOLR	23
felbamate SUSP	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	fludrocortisone acetate TABS	36
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULALVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULALVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
felodipine	32	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULALVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
FEMRING	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fenoprofen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinolone acetonide OIL	40
fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	fluocinolone acetonide OINT	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	64	fluocinolone acetonide SOLN	40
ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	fluocinonide CREA 0.05 %	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluocinonide emulsified base	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	fluocinonide GEL	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	fluocinonide OINT	40
fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	fluocinonide SOLN	40
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	fluorometholone (ophth) SUSP	57
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38
finasteride	47	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65	fluorouracil (topical) SOLN	38
fingolimod hcl	60	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	fluorouracil 500 MG/10ML	23
FIRDAPSE	23	fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14
FIRMAGON	25	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14
				fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14

fluoxetine hcl CPDR	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43
fluoxetine hcl SOLN	14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	65	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	65	fosamprenavir calcium TABS	30
fluoxetine hcl TABS 20 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	65	fosfomycin tromethamine	22
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fosinopril sodium	19
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	fosphenytoin sodium	13
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	FRAGMIN SOSY	11
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 14	
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14	
flurbiprofen TABS	3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flutamide	25	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone furoate-vilanterol	10	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56		FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40		FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate hfa	9	folic acid TABS	47	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate LOTN	40	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate OINT	40	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250		fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500		fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	42	frovatriptan succinate	52
fluticasone-salmeterol AERO	10	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	42	fulvestrant SOSY	25
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19		formoterol fumarate NEBU	10	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19				furosemide TABS	43
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14					

FUZEON SOLR	30	GARDASIL 9 SUSY	65	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
FYCOMPA TABS 2 MG	11	gatifloxacin (ophth)	57	glyburide TABS	16
FYCOMPA TABS 4 MG	11	gefitinib	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15
FYCOMPA TABS 6 MG	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	gemfibrozil TABS	19	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
gabapentin CAPS	12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	62
gabapentin SOLN	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycopyrrolate TABS 1 MG	62
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate TABS 2 MG	62
GALAFOLD	44	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	GLYXAMBI	15
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	GNP PRENATAL TABS	55
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
galantamine hydrobromide TABS ..	60	GENVOYA	30	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML ..	17
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		GILOTRIF	24	granisetron hcl TABS	17
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML ..		GRASTEK SUBL	2
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML ..		griseofulvin microsize SUSP	18
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	58	GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18
GAMMAKED 1 GM/10ML	58	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin ultramicrosize	18
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	58	glimepiride 4 MG	16	guanfacine hcl	20
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	58	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	GYNIAZOLE-1	66
ganciclovir sodium SOLR	31	glipizide TB24	16	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3
ganirelix acetate	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA SOSY	3
GARDASIL 9 SUSP	65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HAEGARDA SOLR SC	47
		GLUCAGEN DIAGNOSTIC	42	HALAVEN	27
		glucagon (rdna)	15	halcinonide CREA	40
				halobetasol propionate CREA	40
				halobetasol propionate OINT	40

HALOG OINT	40	hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone valerate CREA	41
haloperidol decanoate	29	hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone valerate OINT	41
haloperidol lactate CONC	29	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG	43	hydrocortisone w/acetic acid	58
haloperidol lactate SOLN	29	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	43	hydromorphone hcl LIQD	5
haloperidol TABS	29	hydrocodone polistirex-		hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML ..	
HAVRIX	65	chlorpheniramine polistirex SUER ..	36	5	
HEMANGEOL SOLN OR	32	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML ..	6	hydromorphone hcl TABS	5
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG ..	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ..	5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG ..	6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
HEPLISAV-B SOSY	66	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	hydroxyurea	27
HIBERIX SOLR IJ	63	hydroxyzine hcl SYRP	8	hydroxyzine hcl TABS	8
HUMATROPE CART IJ	44	hydroxyzine hcl pamoate CAPS	8	HYPERSAL NEBU	36
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3	hydroxyzine hcl TABS	8	HYQVIA	59
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3		hydrocortisone (intrarectal)	7	ibandronate sodium SOLN	43
HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	ibandronate sodium TABS	43
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40	IBRANCE CAPS	26
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % ..	40	IBRANCE TABS	26
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	3
HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone acetate (rectal)	7	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	3
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone butyrate CREA	40	ibuprofen TABS 800 MG	3
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone butyrate OINT	40	icatibant acetate SOLN	47
HYCAMTIN CAPS	28	hydrocortisone butyrate SOLN	41	icatibant acetate SOSY	47
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone TABS	36	ICLUSIG	26
				icosapent ethyl 1 GM	19

idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	INSULIN ASPART	isoniazid SOLN	23
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25	PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	isoniazid SYRP	23
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN ASPART	isoniazid TABS	23
ifosfamide SOLR	23	PROTAMINE/INSULIN ASPART	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	7
imatinib mesylate	26	SUSP	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	INSULIN ASPART SOLN IJ	isosorbide mononitrate TABS	7
IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	isosorbide mononitrate TB24	7
IMBRUVICA SUSP	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	37
IMBRUVICA TABS	26	INTELENCE 25 MG	isradipine CAPS	32
imipenem-cilastatin IV	21	INTRAROSA	itraconazole CAPS	18
imipramine hcl TABS	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	itraconazole SOLN	18
imipramine pamoate	14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	ivermectin (pediculicide)	41
imiquimod 5 %	41	IOPIDINE	ivermectin	7
IMPAVIDO	21	IPOL INACTIVATED IPV	IXEMPRA KIT 15 MG	27
INCRELEX	44	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56	JAKAFI	26
INCRUSE ELLIPTA	9	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	JANUMET TABS	15
indapamide TABS 1.25 MG	43	56	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
indapamide TABS 2.5 MG	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ipratropium-albuterol SOLN	JANUVIA	16
INDOMETHACIN CPCR	4	irbesartan	JARDIANCE	16
INFANRIX	62	irbesartan-hydrochlorothiazide	JEVTANA	27
INFLECTRA	46	IRESSA (gefitinib)	JULUCA	30
INGREZZA CAPS	60	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	KALYDECO TABS	61
INGREZZA CPPK	60	irrigation solutions, physiological ..	KAMELEON LUBRICATED MISC .50	
INLYTA	24	ISENTRESS CHEW	KANJINTI	24
INREBIC	26	ISENTRESS HD TABS	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose &	
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	ISENTRESS TABS		
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%		
		ISOLYTE-S		

sodium chloride)	53	LUBRICATED MISC	50	lactulose (encephalopathy)	46
KEPIVANCE 6.25 MG	27	KIMONO SENSATION PLUS		lactulose SOLN	49
KESIMPTA	60	SPERMICIDE LUBRICATED MISC		LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG	
	50			(lamotrigine)	12
ketoconazole (topical) CREA	38	KIMONO SPECIAL DEVI	50	lamivudine (hbv) TABS	31
ketoconazole (topical) SHAM 2 % ..	38	KINRIX SUSY	62	lamivudine SOLN	30
ketoconazole	18	KISQALI	26	lamivudine TABS 150 MG	30
KETONE STRP	42	KISQALI FEMARA 200 DOSE ..	25	lamivudine TABS 300 MG	30
KETONE TEST STRIPS STRP	42	KISQALI FEMARA 400 DOSE ..	25	lamivudine-zidovudine	30
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ..	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE ..	25	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketorolac tromethamine (ophth) ..	58	KLARITY-A	57	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketorolac tromethamine TABS	4	KLOXXADO LIQD	17	lamotrigine TABS	12
KETOSTIX STRP	42	KOSELUGO	26	lamotrigine TBDP	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		KP PRENATAL MULTIVITAMINS		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33
58		TABS	55		
KEVZARA SOAJ	3	KRINTAFEL	22	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU EXTRA		MCG, 250 MCG (digoxin)	33
KIMONO COLORS DEVI	50	LUBRICATED DEVI	50	lansoprazole CPDR 15 MG	63
KIMONO LUBRICATED MISC	50	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ..	50	lansoprazole CPDR 30 MG	63
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		KYPROLIS	26	lanthanum carbonate CHEW	46
MISC	50	labetalol hcl SOLN	31	lapatinib ditosylate	26
KIMONO MICRO THIN PLUS		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG ..		LASTACRAFT	58
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		31		latanoprost SOLN	58
50		labetalol hcl TABS 300 MG	31	leflunomide	4
KIMONO PLUS SPERMICIDE		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML ..		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
LUBRICATED MISC	50	12		15 MG, 25 MG	54
KIMONO PLUS		lacosamide TABS	12	lenalidomide 20 MG	54
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactated ringer's (irrigation)	54	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	24
50		53	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ..	24	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	50	lactic acid (ammonium lactate) CREA		LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	24
KIMONO PS PLUS	41		LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	24
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	24
50		12 %	41		

LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	45	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24			lisinopril & hydrochlorothiazide 20
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin TABS 500 MG	45	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10
letrozole	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS	34	MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel (emergency oc) 1.5		LITHIUM 28
leucovorin calcium TABS	27	MG	35	lithium carbonate CAPS 28
LEUKERAN	23	levonorgestrel-eth estradiol		lithium carbonate TABS 28
LEUKINE SOLR IJ	48	(triphasic)	34	lithium carbonate TBCR 28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML		levonorgestrel-ethynodiol (91-day)	34	LO LOESTRIN FE TABS 35
.....	25	0.03 MG-0.15 MG		LOKELMA 54
levalbuterol hcl	10	levonorgestrel-ethynodiol (continuous)	34	loperamide hcl CAPS 17
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levonorgestrel-ethynodiol-iron		lopinavir-ritonavir SOLN 30
levalbuterol tartrate	10	35		lopinavir-ritonavir TABS 30
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	loratadine CAPS 18
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	levothyroxine sodium TABS	62	loratadine CHEW 18
LEVEMIR SOLN	16	LEXIVA SUSP	30	loratadine SOLN 18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN		loratadine TABS 18
		0.5 %, 1 %, 2 %	49	loratadine TBDP 18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	lorazepam CONC 8
levetiracetam TABS 250 MG, 750		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
MG	12	lidocaine hcl GEL 2 %	41	lorazepam TABS 1 MG 8
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl PRSY	41	LORBRENA 26
levetiracetam TB24	12	lidocaine hcl SOLN	41	losartan potassium &
levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine PTCH 5 %	41	hydrochlorothiazide 12.5 MG-100
levocetirizine dihydrochloride SOLN	18	lidocaine-prilocaine CREA	41	MG, 25 MG-100 MG 20
levocetirizine dihydrochloride TABS	18	lincomycin hcl	22	losartan potassium &
		linezolid SUSR	22	hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG 20
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	linezolid TABS	22	losartan potassium 20
levofloxacin in d5w 5 %-500		LINZESS	46	LOTEMAX OINT 57
MG/100ML	45	liothyronine sodium SOLN	62	loteprednol etabonate GEL 57
levofloxacin SOLN OR	45	liothyronine sodium TABS	62	loteprednol etabonate SUSP 57

lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19	MAXIDEX SUSP OP	57	MENVEO SOLR	63
lovastatin TABS 40 MG	19	MAXX LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
loxapine succinate	29	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
lubiprostone	46	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUCEMYRA	59	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meprobamate	8
luliconazole	38	meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine TABS	24
LUMIZYME	44	MEDROL TABS	36	meropenem	21
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	mesalamine CP24	46
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35	mesalamine CPDR	46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	59	mesalamine ENEM	46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	59	mesalamine SUPP	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	44	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	44	mefloquine hcl	22	mesalamine TBEC 800 MG	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	44	megestrol acetate (appetite)	59	metaxalone 800 MG	56
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15
lurasidone hcl 80 MG	28	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	15
LYNPARZA TABS	26	MEKINIST TABS 0.5 MG	26	metformin hcl TABS 850 MG	15
LYSODREN	25	MEKINIST TABS 2 MG	26	metformin hcl TB24 500 MG	15
mafénide acetate PACK	39	MEKTOVI	26	metformin hcl TB24 750 MG	15
magnesium sulfate IJ 50 %	53	meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5
malathion	41	melphalan	23	METHADONE HCL SOLN IJ	5
maraviroc TABS 150 MG	30	melphalan hcl	23	methadone hcl SOLN OR	5
maraviroc TABS 300 MG	30	memantine hcl TABS	60	methadone hcl TABS 10 MG	5
MARPLAN	13	MENACTRA	63	methadone hcl TABS 5 MG	5
MASONATAL TABS	55	MENEST	45	methadone hcl TBSO	5
MATULANE	27	MENOSTAR PTWK	45	methamphetamine hcl	1
		MENQUADFI	63	methazolamide TABS	43
				methenamine hippurate	22
				methimazole TABS	61

METHITEST TABS	7	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	36	midodrine hcl	67
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	56	methylprednisolone TABS	36	miglitol	15
METHOTREXATE	2	methylprednisolone TBPK	36	miglustat	47
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	46	minocycline hcl CAPS	61
methotrexate sodium SOLR	24	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	46	minocycline hcl TABS	61
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24		metoclopramide hcl TABS	46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21
methoxsalen rapid	39	metolazone	43	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48
methscopolamine bromide	62	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21	mirtazapine TABS 15 MG	13
methsuximide	13	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TABS 30 MG	13
methyldopa TABS	20	metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mirtazapine TBDP 15 MG	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	mirtazapine TBDP 30 MG	13
methylphenidate hcl CP24	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mirtazapine TBDP 45 MG	13
methylphenidate hcl CPCR	2	metronidazole (topical) CREA	41	misoprostol	63
methylphenidate hcl SOLN	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	41	mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 %	41	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25
methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2	metronidazole (topical) LOTN	41	M-M-R II SOLR	66
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole TABS	21	M-NATAL PLUS TABS	55
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole vaginal	66	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	mexiletine hcl	8	modafinil 200 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	micafungin sodium	18	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	66
methylphenidate PTCH	2	moexipril hcl	20	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66
methylprednisolone acetate SUSP 36					

mometasone furoate (nasal) SUSP 56	mycophenolate mofetil CAPS54	nelarabine24
mometasone furoate CREA41	mycophenolate mofetil TABS54	neomycin sulfate TABS2
mometasone furoate OINT41	mycophenolate sodium54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57
mometasone furoate SOLN41	MYLERAN TABS23	neomycin-polymy-dexameth OINT 57
montelukast sodium CHEW9	nabumetone4	neomycin-polymy-dexameth SUSP 57
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 20 MG32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...57
montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 40 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58
morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	nadolol TABS 80 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML5	naftifine hcl CREA 1 %38	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG55
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML5	naftifine hcl CREA 2 %38	NEONATAL PLUS TABS55
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML5	NAGLAZYME44	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS55
morphine sulfate TABS5	nalbuphine hcl7	NEONATAL VITAMIN TABS55
morphine sulfate TBCR5	naloxone hcl LIQD17	neostigmine methylsulfate SOSY ..23
MOTOFEN17	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEO-SYNALAR37
MOVANTIK46	naltrexone hcl17	NEUPRO28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	NEVANAC58
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45	naproxen SUSP4	nevirapine SUSP30
moxifloxacin hcl TABS45	naproxen TABS4	nevirapine TABS30
MOZOBIL (plerixafor)48	naproxen TBEC 500 MG4	nevirapine TB24 100 MG30
MULPLETA48	naratriptan hcl52	nevirapine TB24 400 MG30
MULTI PRENATAL TABS55	NATACYN57	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)63
mupirocin calcium (topical)37	NATAZIA35	NEXTSTELLIS35
mupirocin OINT37	nateglinide16	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19
MVASI24	NAYZILAM11	niacin CPCR 250 MG, 500 MG67
MYALEPT44	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32	
	nebivolol hcl 20 MG32	
	NEBUSAL NEBU36	
	nefazodone hcl14	

niacin TABS	67	nitrofurantoin	22	35
niacin TBCR	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35
NIACIN TR TBCR	67	nitrofurantoin monohyd macro	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35
niacinamide TABS 100 MG	67	nitroglycerin CPCR	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35
niacinamide TABS 500 MG	67	nitroglycerin PT24	7	NORMOSOL-M/D5W	53
nicardipine hcl CAPS	32	NITROGLYCERIN SOLN IV	7	NORMOSOL-R	53
nicardipine hcl SOLN	32	nitroglycerin SUBL	7	nortriptyline hcl CAPS	15
nicotine MISC XX	61	NIVA-PLUS TABS	55	nortriptyline hcl SOLN	15
nicotine polacrilex GUM	61	nizatidine CAPS	62	NORVIR PACK	30
nicotine polacrilex LOZG	61	nizatidine SOLN	62	NORVIR SOLN	30
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	61	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	44	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	61	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NOVAREL IM 10000 UNIT	44
NICOTROL INHALER INHA	61	norelgestromin-ethinyl estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NICOTROL NS SOLN	61	norethrin acet & estrad-fe CAPS	35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine CAPS 10 MG	32	norethrin acet & estrad-fe CHEW	35	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	32	norethrin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	32	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16
nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nifedipine TB24	32	norethindrone (contraceptive)	35	NOXAFIL SUSP (posaconazole)	18
nilutamide	25	norethindrone acet & eth estra	35	NP THYROID 120 TABS	62
nimodipine CAPS	32	norethindrone acetate TABS	59	NP THYROID 15 TABS	62
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NP THYROID 30 TABS	62
NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NP THYROID 60 TABS	62
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	NP THYROID 90 TABS	62
nitazoxanide TABS	21	NUCALA SOAJ	8
nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG	44	NUCALA SOLR	8
NITRO-BID OINT	7	NUCALA SOSY 100 MG/ML	8
		NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8

NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl (nasal)	56	orphenadrine citrate TB12	56
NUCYNTA TABS	5	olopatadine hcl 0.1 %	58	oseltamivir phosphate CAPS	31
NUEDEXTA	60	olopatadine hcl 0.2 %	58	oseltamivir phosphate SUSR	31
NULOJIX	54	omega-3-acid ethyl esters	19	OSMOPREP	49
nystatin (mouth-throat)	54	omeprazole CPDR	63	OSPHENA	44
nystatin (topical) CREA	38	omeprazole magnesium CPDR	63	OTEZLA TABS	4
nystatin (topical) OINT	38	omeprazole TBEC	63	OTEZLA TBPK	4
nystatin (topical) POWD EX	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	oxacillin sodium IV 10 GM	59
nystatin TABS	18	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
nystatin-triamcinolone CREA	38	ONCASPAR	27	oxandrolone	7
nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		oxaprozin TABS	4
octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	oxazepam CAPS	8
ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	17	OXBRYTA TABS 500 MG	47
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin (otic)	58	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	38
ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 8 MG	17	OXISTAT LOTN	38
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55	oxybutynin chloride TABS 5 MG	63
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	OPSUMIT	33	oxybutynin chloride TB24	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ORENITRAM TBCR	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5
olanzapine TBDP 20 MG	29	ORILISSA	44	oxycodone hcl TABS	5
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olmesartan medoxomil	20	ORKAMBI TABS	61	oxymorphone hcl TABS	5
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	ORLADEYO	47	oxymorphone hcl TB12 40 MG	5
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21			oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5	

MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	5	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	.16	PASER PACK	23	pentoxifylline	47
OZEMPIC SOPN	16	pazopanib hcl	26	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	.20
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML,		PEDIARIX SUSY	62	perindopril erbumine 4 MG	20
150 MG/25ML27	pediatric multivitamins w/fl CHEW	.55	PERJETA	24
paclitaxel protein-bound particles	.27	PEDVAX HIB SUSP	63	permethrin CREA	42
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	.29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na		permethrin LIQD EX	42
paliperidone 6 MG28	ascorbate-ascorbic acid49	perphenazine TABS	29
palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod		perphenazine-amitriptyline	60
pamidronate disodium SOLN 30		chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-		PERSERIS PRSY	29
MG/10ML, 90 MG/10ML43	2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM		PFIZER-BIONTECH COVID-	
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	49	19VACCINE SUSP	66
43		peg 3350-potassium chloride-sod		PFIZER-BIONTECH COVID-	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-		bicarbonate-sod chloride49	19VACCINE/5-11Y SUSP	66
97300 UNIT-37000 UNIT, 15200		PEGASYS SOLN	31	PFIZER-BIONTECH COVID-	
UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600		PEGASYS SOSY	31	19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	
UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500		PEMAZYRE	26	66	
UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT,		pemetrexed disodium SOLR 500 MG		PFIZER-BIONTECH COVID-	
83900 UNIT-54700 UNIT-21000		24		19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66
UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-		penciclovir39	PFIZER-BIONTECH COVID-	
16800 UNIT42	penicillamine CAPS54	19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	
PANRETIN38	penicillamine TABS54	66	
pantoprazole sodium TBEC 20 MG		penicillin g potassium 5000000 UNIT		PFIZER-BIONTECH COVID-	
63		59		19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66
pantoprazole sodium TBEC 40 MG		PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-		PHARMACIST CHOICE ULTRA	
63		OSMOTIC DEXTROSE 40000		THIN LANCETS 33G51
paricalcitol CAPS44	UNIT/ML, 60000 UNIT/ML59	PHEBURANE PLLT44
paricalcitol SOLN44	PENICILLIN G PROCAINE59	phenazopyridine hcl TABS 100 MG,	
paroxetine hcl SUSP14	penicillin g sodium59	100 MG, 200 MG47
paroxetine hcl TABS 10 MG14	penicillin v potassium SOLR59	phendimetrazine tartrate TABS ..	.1
paroxetine hcl TABS 20 MG14	penicillin v potassium TABS59	phenelzine sulfate13
paroxetine hcl TABS 30 MG14	PENTACEL62	phenobarbital ELIX48
paroxetine hcl TABS 40 MG14			phenobarbital TABS 15 MG, 16.2	
paroxetine hcl TB24 12.5 MG14			MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2	

MG, 100 MG	48	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	53
phenoxybenzamine hcl	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53
phentermine hcl CAPS	1	
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOPN	60
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	60
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	60
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60
PHEXXI	66	plerixafor	48
PHOSLYRA SOLN	46	PNEUMOVAX 23	63
PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	63
PIFELTRO	30	podofilox SOLN	41
pilocarpine hcl (oral)	55	polymyxin b sulfate SOLR	22
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		polymyxin b-trimethoprim	57
pimecrolimus	41	POMALYST	25
pimozide	60	posaconazole SUSP	18
pindolol TABS	32	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .. 53	
pioglitazone hcl	16	potassium bicarbonate TBEF	53
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride CPCR	53
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	
piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	pralatrexate 20 MG/ML	24
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	prasugrel hcl	47
pirfenidone CAPS	61	pravastatin sodium	19
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		praziquantel	7
pirfenidone TABS 534 MG	61	prazosin hcl CAPS	20
piroxicam CAPS	4	PRECISION XTRA	42
		PRED MILD	57
		potassium chloride	

prednicarbate OINT	41	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55	PRIORIX SUSR	66	
prednisolone acetate (ophth)	57	PRENATAL ONE DAILY TABS	55	probenecid	47
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58	PRENATAL PLUS TABS	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	prochlorperazine	29
prednisolone sodium phosphate TBDP	36	PRENATAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ..	29
prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55	PROCERIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48
prednisolone TABS	36	PRENATAL VITAMIN TABS	55	PROCERIT 40000 UNIT/ML	48
prednisone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 55		progesterone CAPS	59
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55	PROGRAF PACK	54
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55	PROGRAF SOLN	54
prednisone TBPK	36	PRENATRIX TABS	55	PROLASTIN-C SOLN	61
pregabalin (once-daily) 330 MG ..	60	PRENTRYL TABS	55	PROLASTIN-C SOLR	61
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60	PREPLUS TABS	55	PROLEUKIN	27
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 13	63	PROLIA SOSY	43
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ..	12	PREVNAR 20	63	promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18
pregabalin SOLN	12	PREZCOBIX	30	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
PREHEVBARIO	66	PREZISTA SUSP	30	promethazine hcl SUPP 50 MG ..	18
PREMARIN	67	PREZISTA TABS (darunavir)	30	promethazine hcl SYRP	18
PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	30	promethazine hcl TABS	19
PREMARIN TABS	45	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	30	propafenone hcl CP12	8
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	PRIFTIN	23	propafenone hcl TABS	8
PREMPHASE	45	primaquine phosphate TABS	23	proparacaine hcl	57
PREMPRO	45	primidone 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl CP24	32
				propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32
				propranolol hcl TABS	32
				propylthiouracil	61

protriptyline hcl	15	quinine sulfate CAPS 324 MG	23	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42
PTS PANELS KETONE TEST	42	QVAR REDIHALER	9		
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	56	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42
PULMOZYME	61	RA PRENATAL TABS	56		
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55	rabeprazole sodium TBEC	63	RENFLEXIS	46
pyrazinamide	23	raloxifene hcl	44	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramelteon	49	repaglinide 2 MG	16
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ramipril CAPS	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
pyridostigmine bromide TBCR	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	62	REPATHA SOSY	19
pyrimethamine	23	ranolazine TB12 1000 MG	7	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
QC PRENATAL TABS	55	ranolazine TB12 500 MG	7	RETACRIT	48
QINLOCK	26	rasagiline mesylate	28	RETEVMO	26
QUADRACEL SUSP	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30
QUADRACEL SUSY	62	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	50	REXULTI	29
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50		ribavirin (hepatitis c) CAPS	31
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60	RIDAURA	3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF SOSY	60	rifabutin	23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	rifampin CAPS	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	66	rifampin SOLR	23
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSY	66	riluzole TABS	56
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra- anal))	7	rimantadine hydrochloride TABS ..	31
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21	REGRANEX	42	ringer's	53
quinidine sulfate TABS	8	RELENZA DISKHALER	31	ringer's irrigation	54
		RELEXXII TBCR 27 MG	2	RINVOQ	2
		RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ..	2	risedronate sodium TABS 150 MG	43
				risedronate sodium TABS 35 MG	.43
				risedronate sodium TABS 5 MG, 30	
				MG	43

risedronate sodium TBEC	43	RYBELSUS TABS	16	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	salsalate	4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33
risperidone microspheres	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risperidone SOLN	29	SANTYL OINT	41	sildenafil citrate	33
risperidone TABS	29	sapropterin dihydrochloride PACK .	44	silodosin	47
risperidone TBDP	29	sapropterin dihydrochloride TABS .	44	silver sulfadiazine	39
ritonavir TABS	30	SAVELLA TABS	60	SIMPONI ARIA SOLN	3
rivastigmine tartrate CAPS	60	SAVELLA TITRATION PACK MISC		SIMULECT	54
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	52	60		simvastatin TABS	19
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	saxagliptin hcl	16	sirolimus TABS	54
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-		SIRTURO	23
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	2.5 MG	15	scopolamine	17
roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5		SIVEXTRO TABS	22
romidepsin SOLR	26	MG, 500 MG-5 MG	15	SELECT INSULIN SYRINGES	51
ropinirole hydrochloride TABS	28	SELECT LANCETS	51	SKYRIZI PEN SOAJ	39
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,		selegiline hcl CAPS	28	SKYRIZI PSKT	39
4 MG, 6 MG	28	selegiline hcl TABS	28	SKYRIZI SOCT	46
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,		selenium sulfide LOTN 2.5 %	39	SKYRIZI SOSY	39
12 MG	28	SELZENTRY SOLN	30	SLYND	35
rosuvastatin calcium TABS	19	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG		SM PRENATAL VITAMINS TABS .	56
ROTARIX SUSP	66	30		SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53
ROTARIX SUSR	66	SEREVENT DISKUS	10	sodium acetate SOLN	52
ROTATEQ SOLN	66	sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46
ROZLYTREK CAPS	26	sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36
RUBRACA	26	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG		sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54
rufinamide SUSP	12	14		sodium citrate & citric acid	46
rufinamide TABS 200 MG	12	sevelamer carbonate PACK	46	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	53
rufinamide TABS 400 MG	12	sevelamer carbonate TABS	46		
RUKOBIA	30	SHINGRIX	66		
RUXIENCE	24	SIGNIFOR	45		

sodium phenylbutyrate POWD	44	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9	sulfacetamide sodium (acne)	37
sodium phenylbutyrate TABS	44	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	
sodium polystyrene sulfonate POWD		spironolactone & hydrochlorothiazide			
54		43	sulfacetamide sodium w/ sulfur	
sodium polystyrene sulfonate SUSP		spironolactone TABS	43	CREA 10 %-5 %	37
OR 15 GM/60ML	54	SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
sodium sulfate-potassium sulfate-		SPRAVATO 84MG DOSE	13	10 %-5 %	37
magnesium sulfate	49	SPRYCEL	26	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS		stannous fluoride CONC	55	9 %-4.5 %	37
.....	31	stavudine CAPS	30	sulfacetamide sodium-sulfur in urea	
solifenacin succinate TABS	63	STELARA 130 MG/26ML	46	vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37
SOLIQUA 100/33	15	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulfadiazine TABS	61
SOLOSEC	2	STELARA SOSY 90 MG/ML	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,		STENDRA	33	21
1000 MG	36	STIMATE SOLN NA	45	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	
SOLU-CORTEF 250 MG	36	STIOLTO RESPIMAT	10	21
SOLU-MEDROL 2 GM	36	STIVARGA	27	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .		streptomycin sulfate SOLR	2	21
44		STRIBILD	30	sulfasalazine TABS	46
sorafenib tosylate	26	STRIVERDI RESPIMAT	10	sulfasalazine TBEC	46
SORBITOL 3 %	46	SUBLOCADE SOSY	7	sulindac TABS	4
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION		SUBSYS LIQD 100 MCG	5	sumatriptan	52
.....	46	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,		sumatriptan succinate SOAJ	52
sotalol hcl (afib/afl)	32	600 MCG	5	sumatriptan succinate SOCT	52
sotalol hcl TABS 240 MG	32	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200		sumatriptan succinate SOLN 6	
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		MCG, 1600 MCG	5	MG/0.5ML	52
160 MG	32	sucralfate SUSP	62	sumatriptan succinate TABS	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE		sucralfate TABS	62	sumatriptan-naproxen sodium	52
SUSP	66	sulconazole nitrate CREA	38	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50	
SPIKEVAX COVID-19		sulconazole nitrate SOLN	38	MG	27
VACCINE/2023-24 SUSP	66			SUNOSI 150 MG	1
SPIKEVAX COVID-19				SUNOSI 75 MG	1
VACCINE/2023-24 SUSY	66				
spinatosad	42				

SYNAREL	44	TAZVERIK	27	testosterone enanthate SOLN IM	7
SYNERA PTCH	41	TDVAX SUSP	62	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	62
SYNJARDY TABS	15	TEFLARO	34	tetrabenazine	60
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) 12	TEGRETOL TABS (carbamazepine) 12	tetracycline hcl CAPS	61
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEGSEDI	61	THALOMID	54
SYNRIBO	27	telmisartan	20	theophylline ELIX	10
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62	telmisartan-amlodipine	21	theophylline SOLN	10
TABLOID	24	telmisartan-hydrochlorothiazide	21	theophylline TB12	10
TABRECTA	27	temazepam 15 MG, 30 MG	48	theophylline TB24	10
tacrolimus (topical) OINT	41	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	56
tacrolimus CAPS	54	TEMODAR SOLR	23	THIOLA EC TBEC 100 MG	47
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	temozolomide CAPS	23	THIOLA EC TBEC 300 MG	47
tadalafil 5 MG	33	temsirolimus	27	thioridazine hcl	29
TAFINLAR CAPS	27	TENIVAC INJ	62	thiotepa 15 MG	23
tafluprost	58	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31	terazosin hcl	29	
TAGRISSO 40 MG	24	terbinafine hcl TABS	18	thiothixene	23
TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10	THYMOGLOBULIN	54
TAKHYRO SOLN	47	terbutaline sulfate TABS	10	THYROGEN 0.9 MG	42
TAKHYRO SOSY	47	terconazole vaginal CREA	66	tiagabine hcl	12
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	27	terconazole vaginal SUPP	66	TIBSOVO	27
tamoxifen citrate TABS	25	teriflunomide	60	tigecycline	61
tamsulosin hcl	47	teriparatide (recombinant) SOPN	43	timolol maleate (ophth) SOLG	57
TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	43	timolol maleate (ophth) SOLN	57
TASIGNA 50 MG	27	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	timolol maleate TABS	32
tavorborole	38	testosterone cypionate SOLN IM	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tazarotene CREA	39			TIVICAY TABS	31
				tizanidine hcl CAPS	56
				tizanidine hcl TABS	56
				tobramycin (ophth) SOLN	57

tobramycin NEBU	2	MG, 240 MG-4 MG	21	LOTN 0.1 %	41
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41
tobramycin-dexamethasone SUSP 58		tranexamic acid TABS	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41
TODAY SPONGE MISC	66	tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	
tolcapone	28	travoprost SOLN	58	36
tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43
TOLSURA CAPS	18	TRECATOR	23	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43
tolterodine tartrate CP24	63	TRELEGY ELLIPTA	10	triamterene CAPS	43
tolterodine tartrate TABS	63	TRELSTAR MIXJECT	25	triazolam	48
tolvaptan TABS	45	TREMFYA SOPN	39	TRICARE TABS	56
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOSY	39	trientine hcl 250 MG	54
topiramate CPSP 25 MG	12	treprostинil SOLN IJ	33	trifluoperazine hcl TABS	29
topiramate CS24	12	tretinoin (chemotherapy)	27	trifluridine	57
topiramate TABS 200 MG	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37	trihexyphenidyl hcl SOLN	28
topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37	trihexyphenidyl hcl TABS	28
topiramate TABS 50 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	37	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15
topotecan hcl SOLR	28	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (mouth)	55	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .	61
torsemide TABS	43	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56	trimethobenzamide hcl CAPS	17
TRACLEER TBSO	33	CREA 0.025 %	41	trimethoprim TABS	21
tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	41	trimipramine maleate CAPS	15
tramadol hcl TB24	6	CREA 0.5 %	41	TRINTELLIX	14
tramadol-acetaminophen	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41	TRIUMEQ TABS	31
trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41	TRIZIVIR	31
trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical)			
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21				
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2					

tropicamide SOLN 0.5 %	57	9/RIBBED/STUDDED MISC	51	ursodiol CAPS	46
tropicamide SOLN 1 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .		ursodiol TABS	46
trospium chloride CP24	63	51		UVADEX	27
trospium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	51	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ..	31
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	42	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		valacyclovir hcl 500 MG	31
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	51		valganciclovir hcl TABS	31
TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	51	TRUXIMA	24	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	13
TRUETRACK TEST STRP	42	TUKYSA	24	valproic acid CAPS	13
TRULICITY	16	TURALIO	27	valrubicin	25
TRUMENBA	63	TUZISTRA XR	36	valsartan TABS	20
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50	TWINRIX SUSY	66	valsartan-hydrochlorothiazide	21
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	50	TWIRLA	35	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	50	TYBLUME CHEW	35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	11
TRUSTEX LUBRICATED MISC	51	TYBOST	31	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	11
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	50	TYMLOS	43	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	TYVASO REFILL SOLN IN	33	vancomycin hcl CAPS	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	TYVASO SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	TYVASO STARTER SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	UBRELVY	52	VAQTA	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .	7	varenicline tartrate TABS	61
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	UDENYCA SOAJ	48	varenicline tartrate TBPK	61
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	UDENYCA SOSY	48	VARIVAX INJ	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS		VARUBI TBPK	18
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51	CONTAIN	51	VAXNEUVANCE	63
TRUSTEX WITH NOOXYNOL-	33	UPTRAVI TABS 200 MCG	33	VECAMYL	21
		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
		UPTRAVI TITRATION PACK TBPK		venlafaxine hcl CP24 150 MG	14
		33		venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14

venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VIVITROL	17	XELJANZ SOLN	2
venlafaxine hcl TABS	14	VIZIMPRO	24	XELJANZ TABS 10 MG	2
venlafaxine hcl TB24 150 MG	14	VORAXAZE	27	XELJANZ TABS 5 MG	2
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14	voriconazole TABS	18	XELJANZ XR TB24	2
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	32	VOTRIENT (pazopanib hcl)	27	XGEVA SOLN	43
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32	VYNDAMAX	34	XHANCE EXHU	56
verapamil hcl VYNDAMAX	32	VYNDAQEL	34	XIFAXAN 200 MG	21
verapamil hcl VYVANSE CAPS	1	VYVANSE CAPS	1	XIFAXAN 550 MG	21
verapamil hcl warfarin sodium TABS	10	warfarin sodium TABS	10	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
verapamil hcl water for irrigation, sterile	54	water for irrigation, sterile	54	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
verapamil hcl WESTAB PLUS TABS	56	WESTAB PLUS TABS	56	XOLAIR SOLR	8
VEREGEN	37	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	51	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8
VERZENIO	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8
VICTOZA	16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51	XOSPATA	27
vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51	XPOVIO	25
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51	XTAMPZA ER	6
vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI CAPS	25
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI TABS 40 MG	25
VIRACEPT TABS 250 MG	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI TABS 80 MG	25
VIRACEPT TABS 625 MG	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XULTOPHY 100/3.6	15
VIREAD POWD	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	YEROVY	24
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	YONSA	25
VISTOGARD	17	XALKORI CAPS	27	zafirlukast	9
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	10	zaleplon 10 MG	48
VITATHELY/GINGER TABS	56	XARELTO SUSR	10	zaleplon 5 MG	49
VITRAKVI CAPS	27	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10		
VITRAKVI SOLN	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10		

ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolpidem tartrate TABS	49
ZANOSAR	23	zolpidem tartrate TBCR	49
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zonisamide CAPS	12
ZARXIO	48	ZONTIVITY	47
ZEJULA CAPS	27	ZORBTIVE SC	44
ZELBORAF	27	ZUBSOLV SUBL	7
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42	ZYDELIG	27
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42		
zidovudine CAPS	31		
zidovudine SYRP	31		
zidovudine TABS	31		
ZIEXTENZO	48		
zileuton TB12	9		
ziprasidone hcl	28		
ZIRABEV	24		
ZIRGAN GEL	57		
ZOLADEX 10.8 MG	25		
ZOLADEX 3.6 MG	25		
zoledronic acid CONC	43		
zoledronic acid SOLN	44		
ZOLINZA	27		
zolmitriptan SOLN	52		
zolmitriptan TABS	52		
zolmitriptan TBDP	52		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.
All rights reserved.